

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 03/NTNN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

- [01] Kỳ tính thuế: Tháng năm hoặc Lần phát sinh: Ngày.....tháng.....năm.....
[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ :

[07] Quận/huyện:

[08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:

[10] Fax:

[11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ :

[15] Quận/huyện:

[16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại:

[18] Fax:

[19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Nội dung công việc	Mã số thuế	Hợp đồng số.. ngày... tháng...	Số tiền thanh toán kỳ này	Ngày thanh toán	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)			
					Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ thuế TNDN	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế TNDN phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=6x7-8)
Tổng cộng:								

Tổng số thuế TNDN phải nộp kỳ này (viết bằng chữ):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 04/NTNN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày đến ngày

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ :

[07] Quận/huyện:

[08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:

[10] Fax:

[11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ :

[15] Quận/huyện:

[16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại:

[18] Fax:

[19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

[21] Hợp đồng nhà thầu : Sốngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng				
2	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng				
3	Doanh thu phần việc nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện được trừ (nếu có)				
4	Doanh thu tính thuế (4=2-3)				
5	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp				
6	Số thuế đã nộp				
7	Số thuế còn phải nộp (7=5-6)				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: - Trường hợp có nhiều nhà thầu phụ thực hiện thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu phụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/CNKT
Ban hành kèm theo Thông tư
số 92/2015/TT-BTC ngày
15/6/2015 của Bộ Tài Chính

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN KINH DOANH⁴¹

(Áp dụng cho cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và cá nhân kinh doanh
nộp thuế theo từng lần phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế:

- Năm(Từ tháng.....đến tháng.....)
 Thángnăm..... hoặc quýnăm.....
 Lần phát sinh: Ngày ... tháng.....năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

<input type="text"/>	-	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>									
----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	---	----------------------	----------------------	----------------------

[06] Ngành nghề kinh doanh.....

[07] Diện tích kinh doanh: [07a] Đất thuê

[08] Số lượng lao động sử dụng thường xuyên:

[09] Thời gian hoạt động trong ngày từ.....giờ đến.....giờ

[10] Địa chỉ kinh doanh:

[11] Điện thoại:.....[12] Fax:..... [13] Email:.....

[14] Văn bản ủy quyền khai thuế (nếu có): Ngày ... tháng...năm.....

[15] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[16] Mã số thuế:

<input type="text"/>	-	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>									
----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	---	----------------------	----------------------	----------------------

[17] Địa chỉ:

[18] Quận/huyện: [19] Tỉnh/thành phố:

[20] Điện thoại: [21] Fax: [22] Email:

[23] Họp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:.....

[24] Tên của tổ chức khai thay (nếu có):.....

[25] Mã số thuế:

<input type="text"/>	-	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>									
----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	---	----------------------	----------------------	----------------------

[26] Địa chỉ:

[27] Điện thoại: [28] Fax: [29] Email:

⁴¹ Mẫu này thay thế mẫu số 01/THKH và 01A/KK-HĐ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

A. KÊ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT), THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành nghề	Chỉ tiêu	Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)		Thuế Thu nhập cá nhân (TNCN)	
			Doanh thu (a)	Số thuế phát sinh (b)	Doanh thu (c)	Số thuế phát sinh (d)
1	Phân phối, cung cấp hàng hóa (Tỷ lệ thuế GTGT 1%, thuế TNCN 0,5%)	[30]				
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu (Tỷ lệ thuế GTGT 5%, thuế TNCN 2%)	[31]				
3	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu (Tỷ lệ thuế GTGT 3%, thuế TNCN 1,5%)	[32]				
4	Hoạt động kinh doanh khác (Tỷ lệ thuế GTGT 2%, thuế TNCN 1%)	[33]				
	Tổng cộng:	[34]				

Xác định nghĩa vụ thuế TNCN phải nộp:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu tính thuế TNCN do kinh doanh trong khu kinh tế	[35]	
2	Số thuế TNCN được giảm trong khu kinh tế	[36]	
3	Số thuế TNCN phải nộp [37]=[34d]-[36]	[37]	

B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB)

STT	Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hàng hoá, dịch vụ A.....	[38a]				(7)=(5)*(6)
2	Hàng hoá, dịch vụ B.....	[38b]				
3					
	Tổng cộng:	[38]				

C. KÊ KHAI THUẾ/PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOẶC THUẾ TÀI NGUYÊN

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyễn/ mức thuế hoặc phí BVMT	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khai thuế tài nguyên						

1.1	Tài nguyên C.....	[39a]					(8)=(5)*(6) *(7)
1.2	Tài nguyên D.....	[39b]					
						
	Tổng cộng	[39]					
2	Khai thuế bảo vệ môi trường						
2.1	Hàng hoá E...	[40a]					(8)=(5)*(6)
2.2	Hàng hoá G...	[40b]					
						
	Tổng cộng	[40]					
3	Khai phí bảo vệ môi trường						
3.1	Hàng hoá H...	[41a]					(8)=(5)*(6)
3.2	Hàng hoá K...	[41b]					
						
	Tổng cộng	[41]					

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Tại chi tiêu doanh thu, sản lượng: Nếu là cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thì kê khai doanh thu, sản lượng dự kiến trung bình 1 tháng trong năm; Nếu là cá nhân kinh doanh khai doanh thu theo từng lần phát sinh thì kê khai doanh thu, sản lượng phát sinh theo từng lần phát sinh.
- Trường hợp cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh với tổ chức thì tổ chức khai thay kèm theo Tờ khai 01/CNKD Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân kinh doanh theo mẫu 01-1/CNKD và không phải khai các chi tiêu từ [04] đến [14].
- Phần C chỉ áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01-1/THKH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
CHI TIẾT GIẢM TRỪ GIA CẢNH CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC
(Kèm theo Tờ khai thuế khoán mẫu số 01/THKH)
[01] Kỳ tính thuế: Năm.....(Từ tháng.....đến tháng.....)

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Giảm trừ gia cảnh của thành viên thứ 1 trong nhóm kinh doanh:

[06] Họ và tên:									
[07] Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>									

I. Người phụ thuộc đã có Mã số thuế/CMND/Hộ chiếu

STT [08]	Họ và tên [09]	Ngày, tháng, năm sinh [10]	Mã số thuế [11]	Quốc tịch [12]	Số CMND/ Hộ chiếu [13]	Quan hệ với người nộp thuế [14]	Thời gian được tính giảm trừ	
							Từ tháng [15]	Đến tháng [16]
1								
2								
3								
...								
...								

II. Người phụ thuộc chưa có Mã số thuế /CMND/Hộ chiếu

STT [17]	Họ và tên [18]	Thông tin trên giấy khai sinh							Quan hệ với người nộp thuế [26]	Thời gian được tính giảm trừ		
		Ngày, tháng, năm sinh [19]	Số [20]	Quyền số [21]	Nơi đăng ký					Từ tháng [27]	Đến tháng [28]	
					Quốc gia [22]	Tỉnh/ Thành phố [23]	Quận/ Huyện [24]	Phường/ Xã [25]				
1												
2												
...												

Giảm trừ gia cảnh của thành viên thứ trong nhóm kinh doanh: Trường hợp nhóm cá nhân thì các thành viên trong nhóm đều khai bảng giảm trừ gia cảnh tương tự như trên. Số thành viên tương ứng với số thứ tự trên bảng kê khai các khoản giảm trừ và tỷ lệ phân chia thu nhập chịu thuế của từng cá nhân trong nhóm kinh doanh tại phần B của Tờ khai thuế khoán mẫu số 01/THKH.

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai./.

.....ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỤC THUẾ.....
CHI CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-CCT

....., ngày tháng năm

- Thông báo lần đầu trong năm
- Thông báo điều chỉnh trong năm

THÔNG BÁO⁴²

Về việc nộp thuế

(Áp dụng cho cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán)

Kính gửi: Ông/ bà(tên người nộp thuế).....

Mã số thuế:

Địa chỉ:.....

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Tờ khai thuế của Ông/Bà....(tên người nộp thuế)... và biên bản họp Hội đồng tư vấn thuế xã (phường, thị trấn); Xét đề nghị của Đội thuế; Đội Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán, Đội Kê khai và Kế toán thuế;

Chi cục Thuế(tên cơ quan thuế).... thông báo số tiền thuế Ông/Bà phải nộp như sau:

1. Cá nhân kinh doanh thuộc diện không phải nộp thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập cá nhân:

2. Số thuế môn bài phải nộp trong năm: đồng. Tiêu mục

3. Tổng số thuế khoán phải nộp trong năm: đồng.

⁴² Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Cụ thể như sau:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế/phí	Tiêu mục	Số thuế/phí phải nộp			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Thuế Giá trị gia tăng					
2	Thuế Thu nhập cá nhân					
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt					
4	Thuế Tài nguyên					
5	Phí Bảo vệ môi trường					
6	Thuế Bảo vệ môi trường					

4. Nơi nộp thuế:

- Nộp cho ủy nhiệm thu: ... (*Tên ủy nhiệm thu*) ..., địa chỉ
- Nộp tại trụ sở cơ quan Thuế: địa chỉ.....
- Nộp tại kho bạc: địa chỉ.....
- Nộp tại ngân hàng: địa chỉ.....

5. Thời hạn nộp thuế

5.1. Thuế môn bài nộp chậm nhất là ngày.....

5.2 Đối với các loại thuế nộp theo quý thì thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày cuối cùng của quý.

Quá thời hạn nộp thuế nêu trên mà chưa nộp đủ số tiền thuế theo Thông báo này vào ngân sách nhà nước thì Ông/Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cơ quan thuế gửi kèm theo Thông báo lần đầu trong năm Bảng công khai thông tin cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán.

Cơ quan thuế công khai thông tin cá nhân nộp thuế khoán trên trang thông tin điện tử ngành thuế (<http://gdt.gov.vn>) và tại(địa điểm niêm yết).....từ ngày 30 tháng 01 hàng năm.

Nếu có ý kiến phản hồi, đề nghị Ông/Bà liên hệ với (*tên cơ quan thuế*)... theo số điện thoại: địa chỉ: để được hướng dẫn cụ thể.

Chi cục Thuế(tên cơ quan thuế)....thông báo để Ông/bà được biết và
thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO THUẾ

...,ngày.....tháng.....năm....

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 03/THKH
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA
(áp dụng cho hộ, cá nhân kinh doanh có sử dụng hóa đơn quyền)
(được bãi bỏ)⁴³

⁴³ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CỤC THUẾ.....
CHI CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-CCT

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO NỘP BỒ SUNG THUẾ

(Áp dụng với hộ gia đình, cá nhân nộp thuế theo phương pháp khoán sử dụng hóa đơn quyền)

Kính gửi:

Ông/bà.....

Mã số thuế:

Địa chỉ:.....

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Tờ khai thuế của(tên người nộp thuế).....nộp ngày
.....tháng.....năm.....;

Chi cục thuế thông báo số tiền thuế Ông/bà phải nộp
như sau:

- ## 1. Thuế Giá trị gia tăng:

Thuế Giá trị gia tăng nộp bổ sung của quý..... Năm.....

Số tiền: đồng. Tiêu mục:

- ## 2. Thuế Thu nhập cá nhân:

Thuế Thu nhập cá nhân nộp bổ sung của quý..... Năm.....

Số tiền: đồng. Tiêu mục:

SỐ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN PHẢI NỘP BỔ SUNG CỦA TÙNG CÁ NHÂN TRONG NHÓM KINH DOANH

(Chú ý: Nếu chỉ có một cá nhân thì tỷ lệ phân chia thu nhập là 100%)

3. Nơi nộp thuế khoán:

- Nộp cho uỷ nhiệm thu: ... (*Tên uỷ nhiệm thu*), địa chỉ
- Nộp tại trụ sở cơ quan thuế: địa chỉ.....
- Nộp tại kho bạc: địa chỉ.....
- Nộp tại ngân hàng: địa chỉ.....

4. Thời hạn nộp thuế:

Ông/bà nộp số thuế trên chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau.

Quá thời hạn nộp thuế nêu trên mà chưa nộp đủ số tiền thuế theo Thông báo này vào ngân sách nhà nước thì Ông/bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/bà liên hệ với (*tên cơ quan thuế*)..... theo số điện thoại: địa chỉ: để được hướng dẫn cụ thể.

Chi cục thuế thông báo để Ông/bà được biết và thực hiện./.

Người nhận thông báo thuế

...Ngày.....tháng.....năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI SẢN⁴⁴
(Áp dụng cho cá nhân có hoạt động cho thuê tài sản hoặc tổ chức khai thay)

[01] Kỳ tính thuế:

Năm ...

Kỳ thanh toán: từ ngày .../tháng.../năm... đến ngày .../tháng.../năm...

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ liên hệ:

[07] Điện thoại: [08] Fax: [09] Email:

[10] Số CMND (trường hợp cá nhân quốc tịch Việt Nam):

[11] Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam):

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày...../...../.....

[21] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số.....ngày.....tháng.....năm.....

[22] Tổ chức nộp thuế thay (nếu có):

[23] Mã số thuế:

[24] Địa chỉ:

[25] Điện thoại: [26] Fax: [27] Email:

⁴⁴ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

A. PHẦN CÁ NHÂN KÊ KHAI NGHĨA VỤ THUẾ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	[28]	
2	Tổng doanh thu tính thuế	[29]	
3	Tổng số thuế GTGT phải nộp	[30]	
4	Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ	[31]	
5	Doanh thu làm căn cứ tính giảm thuế	[32]	
6	Số thuế TNCN được giảm	[33]	
7	Tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thỏa thuận tại hợp đồng (nếu có)	[34]	
8	Tổng số thuế TNCN phải nộp từ tiền nhận bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng (nếu có)	[35]	
9	Tổng số thuế TNCN phải nộp [36]=[31]-[33]+[35]	[36]	

(TNCN: Thu nhập cá nhân; GTGT: Giá trị gia tăng)

B. PHẦN CƠ QUAN THUẾ GHI THÔNG TIN HỖ TRỢ NGƯỜI NỘP THUẾ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ

Đề nghị Ngân hàng/Kho bạc Nhà nước [37].....

trích tài khoản số [38]:(trường hợp nộp qua Ngân hàng).....

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN vào KBNN(đồng cấp với cơ quan thuế quản lý).....

Cơ quan thuế quản lý khoản thu:.....

Tổng số thuế phải nộp NSNN: đồng. Trong đó:

- Số thuế GTGT (tiểu mục 1701): = [30] phần A đồng.

- Số thuế TNCN (tiểu mục 1014): = [36] phần A đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề
số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/TĐ-GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Dành cho các cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN hoặc hạch toán phụ thuộc
các Tổng công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

[01] Kỳ tính thuế: tháng.....năm hoặc quý.....năm.....

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....[20A] ngày.....thángnăm.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Sản lượng điện (Kwh)	[21]	
2	Giá tính thuế	[22]	
3	Tổng trị giá tính thuế $[23]=[21]\times[22]$	[23]	
4	Thuế suất (%)	[24]	
5	Thuế GTGT đầu ra $[25]=[23]\times[24]$	[25]	
6	Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hoạt động sản xuất điện	[26]	
7	Số thuế GTGT phải nộp $[27]=[25]-[26]$	[27]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

..., ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú: - GTGT: giá trị tăng

Mẫu số: 01-1/TĐ-GTGT
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP CỦA HOẠT ĐỘNG
 SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN**
(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng....năm....hoặc quý.....năm....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên nhà máy thuỷ điện	Mã số thuế	Số thuế GTGT đầu ra của hoạt động sản xuất thủy điện	Số thuế GTGT đầu vào của hoạt động sản xuất thủy điện	Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất thủy điện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
1	Nhà máy thuỷ điện X				
2	Nhà máy thuỷ điện Y				
3				
4					
	Tổng cộng				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: - GTGT: giá trị gia tăng

Mẫu số: 01- 2/TĐ-GTGT
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT hoặc mẫu số 01/TĐ-GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm hoặc quý.....năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên nhà máy	Mã số thuế	Cơ quan thuế địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế giá trị gia tăng phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Nhà máy thủy điện X				
			Cơ quan thuế A		
			Cơ quan thuế B		
2	Nhà máy thủy điện Y				
			Cơ quan thuế B		
			Cơ quan thuế C		
...		
Tổng cộng:					

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Phụ lục

**BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP
 CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG⁴⁵**
 (Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Cơ quan thuế địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Đơn vị thủy điện phụ thuộc I:				
1	Nhà máy thủy điện X				
			Cơ quan thuế A		
			Cơ quan thuế B		
2	Nhà máy thủy điện Y				
			Cơ quan thuế C		
			Cơ quan thuế D		
...		
II	Đơn vị thủy điện phụ thuộc II				
1	Nhà máy thủy điện Z		...		
...		

⁴⁵ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

--	--	--	--	--	--	--

....., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 03A/TĐ-TAIN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN

(Dành cho cơ sở sản xuất thuỷ điện)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....[20A].ngày.....thángnăm.....

[21] Tên loại tài nguyên:

[22] Thuế suất (%):

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Nhà máy thủy điện	Mã số thuế	Sản lượng điện xuất tuyến (KWh)	Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế	Thuế tài nguyên dự kiến được miễn giảm trong kỳ tính thuế	Thuế tài nguyên phát sinh phải nộp trong kỳ tính thuế	Số thuế tài nguyên đã khai trong kỳ tính thuế	Số thuế chênh lệch so với số quyết toán
	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]= [25]x[26] x[22]	[28]	[29]= [27] - [28]	[30]	[31]=[29] - [30]
1	Nhà máy thủy điện X								
2	Nhà máy thủy điện Y								
...	...								
Tổng cộng									

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ TÀI NGUYÊN PHẢI NỘP
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo tờ khai thuế Tài nguyên mẫu số 03/TĐ-TAIN hoặc tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 03A/TĐ-TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm

Năm

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Cơ quan thuế địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế tài nguyên phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nhà máy thủy điện X:		Cơ quan thuế A		
			Cơ quan thuế B		
2	Nhà máy thủy điện Y		Cơ quan thuế C		
			Cơ quan thuế D		
...	...				
Tổng cộng					

..., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 03/TĐ-TAIN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN

(Dành cho cơ sở sản xuất thủy điện)

[01] Kỳ tính thuế: thángnăm hoặc quý.....năm.....

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:.....[10] Fax:.....[11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....[20A] ngày.....tháng.....năm.....

[21] Tên loại tài nguyên:

[22] Thuế suất (%):

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Nhà máy thủy điện	Mã số thuế	Sản lượng điện xuất tuyến (KWh)	Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ	Thuế tài nguyên dự kiến được miễn giảm trong kỳ	Thuế tài nguyên phát sinh phải nộp trong kỳ
	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]= [25]x[26]x[22]	[28]	[29]=[27]-[28]
1	Nhà máy thủy điện X:						
2	Nhà máy thủy điện Y						
...	...						
Tổng cộng							

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

..., ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Mẫu số: 01A/TNDN-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH ĐỔI VỚI DẦU KHÍ

- [01] Dầu thô: [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày...tháng...năm hoặc tháng...năm...

(Đối với dầu thô và condensate là ngày, tháng, năm; Khí thiên nhiên là tháng, năm)

[05] Lần xuất bản thứ: ...

- [06] Lần đầu [07] Bổ sung lần thứ:

- [08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:.../....

[11] Tên người nộp thuế:

[13] Địa chỉ: [14] Quận/huyện: [15] Tỉnh/Thành phố:

[16] Điện thoại: [17] Fax: [18] E-mail:

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được ủy quyền [] hoặc Đại lý thuế []:

[22] Địa chỉ: _____ [23] Quận/huyện: _____ [24] Tỉnh/Thành phố: _____

[25] Điện thoại: [26] Fax: [27] E-mail:

[28] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày.... tháng.... năm....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[29]	Thùng; m ³	
2	Giá bán	[30]	USD	
3	Doanh thu [31]=[29]x[30]	[31]	USD	
4	Tỷ lệ thuế TNDN tạm tính	[32]	%	
5	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [33]=[31]x[32]	[33]	USD	
6	Số thuế TNDN được miễn hoặc giảm (nếu có)	[34]	USD	
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp sau khi miễn hoặc giảm (nếu có) [35]=[33]- [34]	[35]	USD	
8	Tỷ giá ngoại tệ liên ngân hàng tại thời diểm xuất hoá đơn dầu khí xuất bán tại Việt Nam	[36]	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai /.
.....ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- Tờ khai này áp dụng đối với dầu thô, condensate, khai thuế theo lần xuất bán; khí thiên nhiên theo tháng.
 - Chỉ tiêu [03]: Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm là ngày xuất bán hoặc ngày xuất hóa đơn tùy thời điểm nào đến trước (đối với dầu thô bán tại Việt Nam); hoặc ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (đối với dầu thô xuất khẩu).
 - Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
 - TNDN: thu nhập doanh nghiệp; USD: Đô la Mỹ; VND: Đồng Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Mẫu số: 01B/TNDN-DK
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) TẠM TÍNH ĐỐI VỚI KHÍ THIÊN NHIÊN

[01] Kỳ tính thuế: Quý.....năm.....

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:

[08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại:

[10] Fax:

[11] E-mail:

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế :

[14] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[15] Địa chỉ:

[16] Quận/huyện:

[17] Tỉnh/Thành phố:

[18] Điện thoại:

[19] Fax:

[20] E-mail:

[21] Hợp đồng uỷ quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:

ngày.... tháng..... năm...

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[22]	Thùng; m ³	
2	Giá bán	[23]	USD	
3	Doanh thu [24]=[22]x[23]	[24]	USD	
4	Chi phí được trừ	[25]	USD	
5	Thu nhập chịu thuế [26]=[24]-[25]	[26]	USD	
6	Thuế suất thuế TNDN	[27]	%	
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [28]=[26]x[27]	[28]	USD	
8	Số thuế TNDN tạm tính được miễn hoặc giảm (nếu có)	[29]	USD	
9	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp sau khi miễn hoặc giảm (nếu có) [30]=[28]- [29]	[30]	USD	
10	Tỷ giá ngoại tệ bình quân gia quyền liên ngân hàng các lần xuất bán trong quý (<i>Tổng doanh thu VND chia cho tổng doanh thu USD</i>)	[31]	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai /.
....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; USD: Đô la Mỹ; VND: Đồng Việt Nam

Mẫu số: 01/PL-DK
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
CHI TIẾT NGHĨA VỤ THUẾ CỦA CÁC NHÀ THẦU DẦU KHÍ

(Kèm theo các tờ khai thuế đối với dầu khí mẫu số 01/TAIN-DK, 02/TAIN-DK,
 01A/TNDN-DK, 01B/TNDN-DK, 02/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày.....tháng.....năm.... hoặc tháng.....năm.... hoặc quý ... năm hoặc năm....
 (Đối với dầu thô và condensate là ngày...tháng...năm hoặc năm; Khí thiên nhiên là tháng/ quý/ năm)

[05] Tên người nộp thuế:

[06] Mã số thuế:

[07] Tên đơn vị được ủy quyền [] hoặc Đại lý thuế []:

[08] Mã số thuế:

[09] Số thuế phải nộp: USD

STT	Nhà thầu dầu khí		Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phát sinh phải nộp (USD)	Ghi chú
	Mã số thuế	Tên nhà thầu			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = [09]*(4)	(6)
1					
2					
3					
4					
Tổng cộng			100%		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: USD: Đô la Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Mẫu số: 02/TNDN-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế năm:.....

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế:

[09] Địa chỉ: [10] Quận/huyện: [11] Tỉnh/Thành phố:

[12] Điện thoại: [13] Fax: [14] E-mail:

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế :

[17] Mã số thuế:

[18] Địa chỉ: [19] Quận/huyện: [20] Tỉnh/Thành phố:

[21] Điện thoại: [21] Fax: [23] E-mail:

[24] Hợp đồng uỷ quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày.... tháng.... năm...

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[25]	USD	
2	Tổng chi phí được phép thu hồi	[26]	USD	
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: [27] = [27a]+[27b]	[27]	USD	
3.1	+ Chi phí được phép thu hồi phát sinh trong năm quyết toán	[27a]	USD	
3.2	+ Chi phí được trừ khác	[27b]	USD	
4	Tổng chi phí đã thu hồi luỹ kế đến hết năm quyết toán	[28]	USD	
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi [29]=[26]-[28]	[29]	USD	
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [30]=[25]-[27]	[30]	USD	
7	Thu nhập khác	[31]	USD	
8	Tổng thu nhập chịu thuế [32]=[30]+[31]	[32]	USD	
9	Thuế suất thuế TNDN	[33]	%	
10	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [34]=[32]x[33]	[34]	USD	
11	Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn hoặc giảm	[35]	USD	
12	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán [36]=[34]-[35]	[36]	USD	
13	Số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đã kê khai trong kỳ	[37]		
14	Chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp theo quyết toán đã kê khai [38]=[36]-[37]	[38]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai /.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp

PHỤ LỤC

SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU KHÍ

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí)

- [01] Dầu thô: [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:
 [04] Kỳ tính thuế năm:.....

[05] Tên người nộp thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

[06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

[07] Tên đơn vị được uỷ quyền [] hoặc Đại lý thuế []:

--	--	--	--	--	--	--	--

[08] Mã số thuế:

STT	Đơn vị tính sản lượng (thùng, m3)	Khai thác dầu khí		Xuất bán dầu khí				Ghi chú
		Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính (USD)	Doanh thu (USD)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)x(7)	(9)
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
Tổng cộng								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai /.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: USD: Đô la Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Mẫu số: 01/BCTL-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG DẦU KHÍ KHAI THÁC VÀ TỶ LỆ TẠM NỘP THUẾ

[01] Kỳ tính thuế năm:

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:

[08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại:

[10] Fax:

[11] E-mail:

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được uỷ quyền [] hoặc Đại lý thuế []:

[14] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[15] Địa chỉ:

[16] Quận/huyện:

[17] Tỉnh/Thành phố:

[18] Điện thoại:

[19] Fax:

[20] E-mail:

[21] Hợp đồng uỷ quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:

ngày.... tháng.... năm...

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Sản phẩm			
			Dầu thô	Condensate	Khí thiên nhiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sản lượng dầu khí dự kiến khai thác trong năm					
	- Tính theo thùng	thùng				
	- Tính theo m3	m3				
2	Tổng số ngày khai thác dầu khí trong năm	ngày				
3	Sản lượng khai thác bình quân ngày					
	- Tính theo thùng/ngày	thùng/ngày				
	- Tính theo m3/ngày	m3/ngày				
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm nộp	%				
5	Tỷ lệ thuế xuất khẩu tạm nộp	%				
6	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp bán trong nước	%				
7	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp xuất khẩu	%				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai /.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Mẫu số: 01/TAIN-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày.....tháng.....năm.... hoặc tháng.....năm....

(Đối với dầu thô và condensate là ngày, tháng, năm; Khí thiên nhiên là tháng, năm)

[05] Lần xuất bán thứ: ...

[06] Lần đầu [07] Bỏ sung lần thứ:

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:.../.../....

[11] Tên người nộp thuế:

[12] Mã số thuế:

[13] Địa chỉ: [14] Quận/huyện: [15] Tỉnh/Thành phố:

[16] Điện thoại: [17] Fax: [18] E-mail:

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được uỷ quyền [] hoặc Đại lý thuế []:

[21] Mã số thuế:

[22] Địa chỉ: [23] Quận/huyện: [24] Tỉnh/Thành phố:

[25] Điện thoại: [26] Fax: [26] E-mail:

[27] Hợp đồng uỷ quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: [28] ngày.... tháng.... năm...

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[29]	Thùng; m3	
	Sản lượng dầu thô, condensate xuất bán quy đổi theo tấn	[29a]	Tấn	
2	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	[30]	USD/thùng; USD/m3	
3	Doanh thu [31]=[29]x[30]	[31]	USD	
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính	[32]	%	
5	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp [33]=[31]x[32]	[33]	USD	
6	Tỷ giá ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm xuất hoá đơn dầu khí xuất bán tại Việt Nam	[34]	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai /.

.....ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [04]:

+ Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm là ngày xuất bán hoặc ngày xuất hóa đơn tùy thời điểm nào đến trước (đối với dầu thô bán tại Việt Nam); hoặc ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (đối với dầu thô xuất khẩu).

+ Kỳ tính thuế là tháng, năm áp dụng đối với khí thiên nhiên khai thuế theo tháng. Tháng, năm là tháng, năm thực tế xuất bán.

+ Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- USD: Đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Mẫu số: 02/TAIN-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế năm:.....

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[09] Địa chỉ: [10] Quận/huyện: [11] Tỉnh/Thành phố:

[12] Điện thoại: [13] Fax: [14] E-mail:

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền [] hoặc Đại lý thuế []:

[17] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[18] Địa chỉ: [19] Quận/huyện: [20] Tỉnh/Thành phố:

[21] Điện thoại: [22] Fax: [23] E-mail:

[24] Hợp đồng uỷ quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày.... tháng.... năm...

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	[25]	Ngày	
II	Sản lượng:			
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên kỳ tính thuế trước chuyển sang	[26]	Thùng; m3	
2	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	[27]	Thùng; m3	
3	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên thực tế bán trong kỳ tính thuế $[28]=[28a]+[28b]$	[28]	Thùng; m3	
3.1	- Xuất khẩu	[28a]	Thùng; m3	
3.2	- Tiêu thụ nội địa	[28b]	Thùng; m3	
4	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên chuyển sang kỳ tính thuế sau $[29]=[26]+[27]-[28]$	[29]	Thùng; m3	
5	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế $[30]=[27]/[25]$	[30]	Thùng; m3	
III	Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[31]	USD	
IV	Tỷ lệ thuế tài nguyên bằng dầu khí trong kỳ tính thuế	[32]	%	
V	Thuế tài nguyên tính bằng dầu khí			

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán kỳ tính thuế trước chuyển sang	[33]	Thùng; m3	
2	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế $[34]=[27]x[32]$	[34]	Thùng; m3	
3	Thuế tài nguyên bằng dầu khí bán trong kỳ tính thuế $[35]=[28]x[32]$	[35]	Thùng; m3	
4	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán chuyển kỳ tính thuế sau $[36]=[33]+[34]-[35]$	[36]	Thùng; m3	
VI	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế $[37]=[31]/[28]$	[37]	USD/thùng; USD/m3	
VII	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế $[38]=[39]+[40]$	[38]	USD	
1	Số tiền thuế tài nguyên kỳ trước chuyển sang $[39]=[33]x[37]$	[39]	USD	
2	Số tiền thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế $[40]=([28]-[26])x[32]x[37]$	[40]	USD	
VIII	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[41]	USD	
IX	Chênh lệch giữa số tiền phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế $[42]=[38]-[41]$	[42]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai /.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- USD: Đô la Mỹ

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc án định số thuế phải nộp

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số ngày của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số ngày của về việc kiểm tra (thanh tra) tại

Căn cứ Biên bản kiểm tra (Kết luận thanh tra).....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Án định số thuế phải nộp đối với:

Ông/bà/ tổ chức: – Mã số thuế:

Giấy CMND/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận đăng ký hoạt động số: do..... cấp ngày.....

Địa chỉ:

Lý do án định:

Số thuế án định:

Số thuế chênh lệch giữa số thuế cơ quan thuế án định và số thuế người nộp thuế tự kê khai:

Điều 2: Ông/bà/ tổ chức có nghĩa vụ nộp đầy đủ số thuế bị án định trong thời hạn kể từ ngày.....

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ông/Bà/Tổ chức có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Bộ phận KK,...;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN
HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày.....thángnăm

THÔNG BÁO

Về việc hạch toán lại các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp NSNN

Kính gửi:.....

Mã số thuế:

Địa chỉ nhận thông báo :.....

Theo quy định tại Điều 45 Luật Quản lý thuế hợp nhất và hướng dẫn tại Điều 29 Chương III Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ:

Trường hợp người nộp thuế vừa có số tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền chậm nộp, tiền thuế phát sinh, tiền phạt nhung trên chứng từ nộp tiền thuế, tiền phạt không ghi hoặc ghi không đúng trình tự: (1) Tiền thuế nợ; (2) Tiền thuế truy thu; (3) Tiền chậm nộp; (4) Tiền thuế phát sinh; (5) Tiền phạt thì cơ quan thuế hạch toán số tiền thuế đã thu theo đúng trình tự thanh toán, đồng thời thông báo cho người nộp thuế biết số thuế đã ghi thu ngân sách nhà nước cho từng loại tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.

Căn cứ quy định trên;

Trên cơ sở xét chứng từ nộp tiền của

Cơ quan thuế..... thông báo về việc hạch toán lại các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế tháng ... năm .. như sau:

đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Số TT	Chứng từ nộp tiền		Tên loại thuế	Tiêu mục	Số tiền thuế nợ	Số tiền thuế truy thu	Số tiền chậm nộp	Số tiền thuế phát sinh	Số tiền phạt vi phạm HC	Tổng cộng
	Số	Ngày								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
1										
2										
...										
Tổng cộng										

Yêu cầu hạch toán các khoản nộp ngân sách nhà nước theo đúng số liệu nêu tại Thông báo này.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại: địa chỉ:

Cơ quan thuế..... thông báo để người nộp thuế được biết./.

Đối tượng nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v đề nghị gia hạn nộp thuế

....., ngày.....thángnăm

Kính gửi:(Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Địa chỉ nhận thông báo:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Ngành nghề kinh doanh chính là:

Đề nghị gia hạn nộp tiền thuế theo hướng dẫn tại điểm ... khoản... Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Số thuế và thời gian đề nghị gia hạn: *Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Loại thuế đề nghị gia hạn	Tiêu mục	Số tiền	Thời hạn nộp thuế theo quy định	Thời hạn được gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thuế ...				
2	Tiền phạt chậm nộp...				
3	Tiền chậm nộp tiền thuế..				
4	Tiền phạt...				
5	Tiền chậm nộp tiền phạt..				
	Tổng cộng				

2. Cam kết:

... (Tên người nộp thuế) cam kết nộp đầy đủ số tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt được gia hạn sau khi hết thời hạn nộp thuế.

3. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

(1)
(2)

...

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- Lưu: VT,...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH
Số: .../QĐ-CT(CCT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt
CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ
hoặc CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Căn cứ đề nghị của(tên người nộp thuế, mã số thuế) tại công văn số.... ngày.../..../... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng.../Đội trưởng...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ... (Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ)... được gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (dưới đây gọi tắt là tiền thuế), cụ thể như sau:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Loại thuế được gia hạn	Tiêu mục	Số tiền	Thời hạn nộp thuế theo quy định	Thời hạn được gia hạn nộp thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thuế				
2	Tiền phạt chậm nộp...				
3	Tiền chậm nộp tiền thuế...				
4	Tiền phạt...				
5	Tiền chậm nộp tiền phạt				
	Tổng cộng*				

Điều 2. Trong thời gian được gia hạn nộp tiền thuế không tính tiền chậm nộp tiền thuế đối với số thuế được gia hạn. Khi hết thời gian gia hạn nộp thuế,(tên

(người nộp thuế) phải nộp đầy đủ số tiền thuế vào ngân sách nhà nước. Trường hợp (*tên người nộp thuế*) không nộp đầy đủ tiền thuế sau khi hết thời gian gia hạn sẽ bị tính tiền chậm nộp và bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. ... (*Tên người nộp thuế*); Trưởng phòng.../Đội trưởng....(các phòng/đội có liên quan) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc Nhà nước...**
- Trang thông tin điện tử của Cục Thuế;
-
- Lưu VT:....

**CỤC TRƯỞNG hoặc
CHI CỤC TRƯỞNG**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

* Trường hợp có nhiều loại thuế được gia hạn, có thể lập phụ lục đính kèm Quyết định.

** Gia hạn theo điểm c khoản 1 Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC gửi thêm Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản để phối hợp thu nợ thuế.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày.....thángnăm

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung giải trình hồ sơ gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt chậm nộp,
tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày
20/11/2012;

Căn cứ Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP
ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Sau khi xem xét văn bản số ngày.../.../... kèm theo hồ sơ nghị gia hạn
nộp thuế của.....(tên người nộp thuế), MST , địa chỉ nhận thông báo:.....

.... (Tên cơ quan thuế)..... thông báo:

Hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế của..... (tên người nộp thuế) còn
thiếu/chưa rõ ràng đối với những tài liệu/nội dung sau đây:

1.....

2.....

.....

Đề nghị ... (tên người nộp thuế) giải trình hoặc bổ sung hồ sơ. Trường hợp
người nộp thuế không bổ sung hồ sơ thì cơ quan thuế sẽ không giải quyết đề
nghị gia hạn nộp thuế.

Cơ quan thuế thông báo đề(tên người nộp thuế) được biết và thực
hiện./.

Nơi nhận:

- ...(tên người nộp thuế...);

-

- Lưu: VT....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày.....thángnăm

THÔNG BÁO

Về việc không chấp nhận hồ sơ gia hạn nộp tiền thuế,
tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày
20/11/2012;

Căn cứ Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP
ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Sau khi xem xét văn bản số ngày..../... kèm theo hồ sơ nghị gia hạn
nộp thuế của.....(tên người nộp thuế), MST, địa chỉ nhận thông báo:.....

.... (Tên cơ quan thuế)..... thông báo:

Trường hợp của(tên người nộp thuế) không thuộc đối tượng được gia
hạn nộp thuế. Lý do:

-.....
-.....
.....

...(Tên người nộp thuế) có nghĩa vụ nộp ngay số tiền thuế, tiền phạt chậm
nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt còn nợ vào ngân
sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế thông báo để ...(tên người nộp thuế) được biết và thực
hiện./.

Noi nhận:

- ...(tên người nộp
thuế)...
-.....;
- Lưu: VT....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề nghị nộp dần tiền thuế nợ

....., ngày..... tháng năm

Kính gửi:(tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế số....
ngày..../.../... của ...(tên cơ quan thuế ban hành quyết định);

Căn cứ thư bảo lãnh số.... ngày..../.../... của ... (tên tổ chức bảo lãnh);

Căn cứ quy định tại.....Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý
thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số
83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

.... (Tên người nộp thuế) đề nghị nộp dần tiền thuế nợ, cụ thể như sau:

1. Số thuế đề nghị nộp dần:

STT	Loại thuế đề nghị nộp dần	Tiêu mục	Số tiền	Thời hạn nộp thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thuế ...			
2	Tiền chậm nộp tiền thuế..			
	Cộng			

2. Thời gian đề nghị nộp dần tiền thuế nợ: từ đến

3. Cam kết:

....(Tên người nộp thuế) cam kết sẽ nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp tiền
thuế vào ngân sách nhà nước theo từng tháng, chậm nhất vào ngày cuối tháng
trong thời hạn nộp dần đề nghị tại điểm 2 nêu trên.

4. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

- (1) Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;
(2) Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng;

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TÊN CƠ QUAN CÁP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH
Số: .../QĐ-CT(hoặc CCT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nộp dần tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế
CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ
hoặc CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Điều 32 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Căn cứ đề nghị của.... (*tên người nộp thuế*) tại văn bản số.... ngày.../.../... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng.../ Đội trưởng...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ...(*Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ*) được nộp dần tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế theo từng tháng, chậm nhất vào ngày cuối tháng, kể từ tháng...năm... đến tháng... năm..., cụ thể như sau:

STT	Loại thuế được nộp dần	Tiểu mục	Số tiền	Thời hạn nộp thuế theo quy định	Thời hạn nộp dần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thuế ...				
2	Tiền chậm nộp tiền thuế				
	Tổng cộng				

Điều 2. Tạm dừng áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế đối với số thuế được nộp dần trong thời gian nộp dần tiền thuế nợ. Người nộp thuế được tính tiền chậm nộp theo mức 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế được nộp dần. Trường hợp(*tên người nộp thuế*) không nộp thì tổ chức bảo lãnh có trách nhiệm nộp thay bao gồm: toàn bộ số tiền thuế,

tiền chậm nộp tiền thuế được chấp thuận nộp dần; tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế được nộp dần theo mức 0,05 % mỗi ngày được nộp dần và 0,07% mỗi ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp dần theo cam kết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. ...(*tên người nộp thuế*); ...(*tên tổ chức bảo lãnh*); Trưởng phòng.../Đội trưởng....(*các phòng/đội có liên quan*), chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ngân hàng...,*
- Kho bạc Nhà nước....;
-
- Lưu: VT,....

CỤC TRƯỞNG
hoặc CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

* *Quyết định nộp dần được gửi cho các đơn vị liên quan tùy theo biện pháp cưỡng chế nợ thuế đã ban hành, chẳng hạn ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản tiền gửi đối với biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi tại ngân hàng.*

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

Số:/TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung, giải trình hồ sơ nộp dần
tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày
20/11/2012;

Căn cứ Điều 32 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP
ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Sau khi xem xét văn bản số ... ngày.../.../.. kèm theo hồ sơ đề nghị nộp
dần tiền thuế nợ của...(*tên người nộp thuế*), MST, địa chỉ nhận thông báo:...

...(Tên cơ quan thuế)..... thông báo:

Hồ sơ đề nghị nộp dần tiền thuế nợ của ...(*tên người nộp thuế*) còn
thiếu/chưa rõ ràng đối với những nội dung và tài liệu sau đây:

- 1.....
- 2.....
-

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo
này, đề nghị ... (*tên người nộp thuế*) bổ sung, giải trình các tài liệu nêu trên.
Trường hợp ... (*tên người nộp thuế*) không bổ sung hồ sơ thì cơ quan thuế sẽ
không giải quyết đề nghị nộp dần tiền thuế nợ và thực hiện các biện pháp cưỡng
chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định.

Cơ quan thuế thông báo để ... (*tên người nộp thuế*) được biết và thực
hiện./.

Nơi nhận:

- ...(*tên người nộp
thuế*)...;
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

Số:/TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

THÔNG BÁO

Về việc không chấp nhận hồ sơ nộp dàn tiền thuế,
tiền chậm nộp tiền thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày
20/11/2012;

Căn cứ Điều 32 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP
ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Sau khi xem xét văn bản số ... ngày.../.../... kèm theo hồ sơ đề nghị nộp dàn
tiền thuế nợ.... của (*tên người nộp thuế*), MST, địa chỉ nhận thông báo: ...
...(*Tên cơ quan thuế*)..... thông báo:

....(*Tên người nộp thuế*) không thuộc trường hợp được nộp dàn tiền thuế
nợ. Lý do:

.....
.....
.....

...(*Tên người nộp thuế*) có nghĩa vụ nộp ngay số tiền thuế còn nợ vào
ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế thông báo để ...(*tên người nộp thuế*) được biết và thực
hiện./.

Nơi nhận:

- ...(*tên người nộp thuế*)..;
- ...(*tên tổ chức bảo lãnh*)...;
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 05/NĐAN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156 /2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v xác minh thông tin

....., ngày.....tháng.....năm...

Kính gửi: - ... (*Tên tổ chức bảo lãnh*)...;
- ... (*Tên người nộp thuế được bảo lãnh*).

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13;

Căn cứ Điều 32 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

..... (*Tên cơ quan thuế ban hành văn bản*) đề nghị (*tên tổ chức bảo lãnh*)... xác nhận về một số nội dung tại thư bảo lãnh số.... ngày.../..../... do (*tên tổ chức bảo lãnh*)... phát hành như sau:

- 1
- 2
-

Đề nghị quý cơ quan phúc đáp cho ... (*tên cơ quan thuế*)... trong thời hạn ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản này.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

...., ngày..... tháng..... năm...

V/v: yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ bảo lãnh

Kính gửi: - ... (*Tên tổ chức bảo lãnh*)...;

- ... (*Tên người nộp thuế được bảo lãnh*)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13;

Căn cứ Điều 32 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Căn cứ thư bảo lãnhphát hành ngày.../.../...của ... (*tên tổ chức bảo lãnh, mã số thuế*)... cho(*tên người nộp thuế, mã số thuế*)...;

Căn cứ Quyết định số.... ngày.../.../....của .. (*tên cơ quan thuế*).... về việc nộp dần tiền thuế nợ đói với(*tên người nộp thuế*)....;

....(*Tên cơ quan thuế*).... thông báo đến ... (*tên Tổ chức bảo lãnh, mã số thuế*)... về việc bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế của (*tên người nộp thuế*)....:

Ngày...tháng...năm... là ngày cuối cùng của thời hạn nộp dần tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế... theo Quyết định số ngày .../.../.... nêu trên nhưng bên được bảo lãnh là... (*tên người nộp thuế được bảo lãnh, mã số thuế*).... chưa nộp (*hoặc chưa nộp đủ*) vào Ngân sách Nhà nước.... (*Tên cơ quan thuế*) yêu cầu ... (*tên tổ chức bảo lãnh*) ...thực hiện nộp số tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế thay cho bên được bảo lãnh vào tài khoản thu ngân sách nhà nước số..... tại Kho bạc Nhà nước..... với số tiền là.....,

Nếu ...(*tên tổ chức bảo lãnh*)... không thực hiện thì sẽ bị tính tiền chậm nộp tiền thuế và bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định của pháp luật.

...(*Tên cơ quan thuế*)... thông báo để (*tên tổ chức bảo lãnh*)...., ... (*tên người nộp thuế được bảo lãnh*)... được biết và thực hiện./.

Noi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 01/MTCN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CT(hoặc CCT)

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn tiền chậm nộp tiền thuế đối với... (tên người nộp thuế).....

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ/CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 35 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng/Đội Trưởng ... (tên phòng/đội có liên quan)...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn tiền chậm nộp tiền thuế đối với ... (tên người nộp thuế)....; Mã số thuế: ...; với tổng số tiền là ... đồng (viết bằng chữ: ...) do ... (nguyên nhân được miễn tiền chậm nộp)...

Điều 2. Căn cứ vào số tiền chậm nộp tiền thuế được miễn nêu tại Điều 1, Phòng/Đội ... (tên Phòng/Đội có liên quan)... điều chỉnh lại số tiền chậm nộp tiền thuế của ... (tên người nộp thuế).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. ... (tên người nộp thuế)..., Trưởng Phòng/Đội Trưởng ... (tên phòng/đội có liên quan)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cơ quan thuế cấp trên (để báo cáo);
-;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

HỢP ĐỒNG ỦY NHIỆM THU THUẾ

- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

- Căn cứ Thông tư số/2013/TT-BTC ngày/..../2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

- Căn cứ các Luật thuế; Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm

Tại:

Chúng tôi gồm:

I. BÊN ỦY NHIỆM THU THUẾ:

Cơ quan thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số Tài khoản:

Đại diện là: Ông (Bà) Chức vụ:

II. BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU THUẾ:

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số Tài khoản:

Đại diện là: Ông (Bà) Chức vụ:

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng uỷ nhiệm thu một số khoản thuế và thu khác (sau đây gọi chung là thuế) với những điều khoản như sau:

Điều 1: Phạm vi uỷ nhiệm thu

1. ...(*Tên của bên uỷ nhiệm thu*)..... uỷ nhiệm cho ...(*Tên của bên được uỷ nhiệm thu thuế*)..... thực hiện thu một số khoản thuế thuộc phạm vi quản lý của cơ quan thuế trên địa bàn ...(*ghi rõ tên địa bàn thực hiện uỷ nhiệm thu*).....

2. Các khoản thuế được uỷ nhiệm thu bao gồm:

- Thuế ...(*ghi rõ tên của loại thuế thực hiện uỷ nhiệm thu*).....
- Thuế ...(*ghi rõ tên của loại thuế thực hiện uỷ nhiệm thu*).....
- V.v.....

3. ...(*Tên của bên được uỷ nhiệm thu*)..... trong phạm vi được uỷ nhiệm thực hiện các công việc sau đây: (*Tùy thuộc vào nội dung hợp đồng ký kết, ghi cụ thể các công việc bên được uỷ nhiệm thu phải thực hiện như: Phát tờ khai thuế, đôn đốc người nộp thuế nộp tờ khai thuế; thu tờ khai thuế từ người nộp thuế và nộp cho cơ quan thuế; phát thông báo thuế cho người nộp thuế; thu tiền thuế và nộp tiền thuế đã thu được vào ngân sách nhà nước; cung cấp thông tin về tình hình người nộp thuế phát sinh mới hoặc người nộp thuế có thay đổi quy mô, ngành nghề kinh doanh trên địa bàn được uỷ nhiệm thu*)

Điều 2: Trách nhiệm và quyền hạn của bên uỷ nhiệm thu trong việc thực hiện hợp đồng

1. Trách nhiệm của bên uỷ nhiệm thu:

- Phát hành thông báo nộp thuế giao cho bên được uỷ nhiệm thu thuế cùng với sổ bộ thuế đã duyệt. Thời gian giao thông báo nộp thuế cho bên được uỷ nhiệm thu thuế trước khi hết thời hạn gửi thông báo nộp thuế theo quy định tối thiểu là mười ngày.

- Cấp phát đầy đủ, kịp thời tờ khai và biên lai thu thuế cho bên được uỷ nhiệm thu thuế và hướng dẫn bên được uỷ nhiệm thu thuế cấp phát, quản lý, sử dụng tờ khai và biên lai đúng quy định.

- Chi trả kinh phí uỷ nhiệm thu theo hợp đồng uỷ nhiệm thu đã ký.

- Kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh khi thực hiện hợp đồng và thực hiện chức trách uỷ nhiệm thu thuế của bên được uỷ nhiệm thu.

- ...(*Các nội dung khác theo thoả thuận*).....

2. Quyền của bên uỷ nhiệm thu:

- Kiểm tra tình hình thu nộp tiền thuế của bên được uỷ nhiệm thu thuế.

- Chấm dứt hợp đồng uỷ nhiệm thu khi bên được uỷ nhiệm thu không đủ năng lực và điều kiện thực hiện hợp đồng hoặc có các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- ...(*Các nội dung khác theo thoả thuận*).....

Điều 3: Trách nhiệm và quyền hạn của bên được uỷ nhiệm thu trong việc thực hiện hợp đồng

1. Trách nhiệm của bên được uỷ nhiệm thu:

- Bố trí nhân viên đủ tiêu chuẩn theo quy định của cơ quan thuế để thực hiện hợp đồng uỷ nhiệm thu đã ký. Không được uỷ nhiệm lại cho bất cứ bên thứ ba nào việc thực hiện hợp đồng uỷ nhiệm thu đã ký với cơ quan thuế.

- Thực hiện đúng trách nhiệm của bên được uỷ nhiệm thu đã được quy định tại Điều – Thông tư số/2013/TT-BTC ngày/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

- Thông báo kịp thời cho bên uỷ nhiệm thu khi không còn đủ năng lực và điều kiện thực hiện theo hợp đồng đã ký.

- Thông báo kịp thời cho bên uỷ nhiệm thu những khó khăn, vướng mắc và các nội dung phát sinh làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và thực hiện chức trách uỷ nhiệm thu thuế.

- ...(*Các nội dung khác theo thoả thuận*).....

2. Quyền của bên được uỷ nhiệm thu:

- Yêu cầu bên uỷ nhiệm thu thanh toán tiền thù lao đúng theo hợp đồng đã ký.

- Chấm dứt hợp đồng uỷ nhiệm thu khi bên uỷ nhiệm thu không thực hiện đúng những nội dung đã ký kết.

- ...(*Các nội dung khác theo thoả thuận*).....

Điều 4: Kinh phí uỷ nhiệm thu

1. Tỷ lệ trích kinh phí uỷ nhiệm thu: Bên được uỷ nhiệm thu được hưởng thù lao uỷ nhiệm thu trích từ kinh phí hoạt động của cơ quan thuế theo mức:

- Bằng % tổng số thuế thu được đối với thuế

- Bằng % tổng số thuế thu được đối với thuế

- Bằng % tổng số thuế thu được đối với thuế

2. Thời gian chi trả kinh phí uỷ nhiệm thu: (*Quy định cụ thể về thời gian chi trả như: trả định kỳ theo tháng, quý,....)*

3. Hình thức chi trả kinh phí uỷ nhiệm thu: Kinh phí uỷ nhiệm thu được thanh toán bằng chuyển khoản thông qua tài khoản của bên được uỷ nhiệm thu mở tại.....

Điều 5: Thời hạn uỷ nhiệm thu

Thời hạn uỷ nhiệm thu theo hợp đồng này là năm, kể từ ngày/...../..... đến hết ngày/...../.....

Điều 6. Bổ sung, gia hạn và thanh lý hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu phát hiện thấy còn những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung đều phải được lập thành văn bản có sự nhất trí của hai bên.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến trước thời điểm kết thúc thời hạn uỷ nhiệm thu, hai bên có thể thỏa thuận gia hạn hợp đồng bằng văn bản.

3. Thanh lý hợp đồng:

- Trường hợp không có thoả thuận gia hạn hợp đồng thì hợp đồng đương nhiên hết hiệu lực khi kết thúc thời hạn nêu tại Điều 5 - Hợp đồng này. Hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng uỷ nhiệm thu theo đúng quy định.

- Trường hợp Hợp đồng được gia hạn thêm cho các kỳ tiếp theo thì hai bên tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thời gian đã gia hạn và tiến hành thanh lý Hợp đồng khi kết thúc thời gian đã gia hạn.

Điều 7: Xử lý tranh chấp

1. Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các nội dung đã ký. Trường hợp có tranh chấp, hoặc một bên vi phạm hợp đồng thì cả hai bên cùng tự thương lượng, thoả thuận để có hướng xử lý và đạt được kết quả chung trước khi chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng này.

2. Trường hợp việc tự thương lượng và thoả thuận không đạt được kết quả thì vụ việc được đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Điều khoản thi hành

1. Hai bên cam kết thực hiện mọi điều khoản đã cam kết trong hợp đồng với tinh thần hợp tác, hỗ trợ. Trường hợp phát sinh hoàn cảnh ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thảo luận để thống nhất giải quyết.

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Hợp đồng này gồm có..... trang, được lập thành.... bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bản và có hiệu lực kể từ ngày...../.

BÊN UỶ NHIỆM THU
(chức danh người đại diện)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN ĐƯỢC UỶ NHIỆM THU
(chức danh người đại diện - nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

**BIÊN BẢN THANH LÝ
HỢP ĐỒNG ỦY NHIỆM THU THUẾ**

Căn cứ Hợp đồng ủy nhiệm thu số..... ngày/...../.....
giữa(tên cơ quan thuế) và ... (tên của bên được uỷ nhiệm thu thuế)

Hôm nay, ngày tháng năm

Tại:

Chúng tôi gồm:

I. BÊN ỦY NHIỆM THU THUẾ:

Cơ quan thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số Tài khoản:

Đại diện là: Ông (Bà) Chức vụ:

II. BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU THUẾ:

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số Tài khoản:

Đại diện là: Ông (Bà) Chức vụ:

Hai bên tiến hành thanh lý hợp Hợp đồng ủy nhiệm thu số.....
ngày/...../..... giữa ... (tên của bên uỷ nhiệm thu) và ... (tên của bên
được uỷ nhiệm thu thuế) như sau:

1. Về thu nộp thuế

a) ... (Tên của bên được uỷ nhiệm thu thuế) đã tiến hành thu các khoản
thuế (ghi rõ tên tất cả các loại thuế uỷ nhiệm thu) cho (tên của bên uỷ nhiệm
thu) trong thời gian từ ngày/...../..... đến hết ngày/...../..... như
sau:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế được Uỷ nhiệm thu	Số tiền thuế phải thu	Số tiền thuế đã thu	Số tiền thuế còn phải thu	Số tiền thuế đã thu được nộp vào Ngân sách Nhà nước	Số tiền thuế đã thu chưa nộp vào Ngân sách Nhà nước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)=(4)-(6)
1	Thuế ...					
2	Thuế ...					
3	Thuế ...					
...					
	Công					

b) Về nguyên nhân, biện pháp xử lý số tiền thuế còn nợ đọng, số tiền thuế đã thu nhưng chưa nộp Ngân sách Nhà nước:

.....

.....

Danh sách người nộp thuế còn nợ tiền thuế kèm theo (nếu có).

2. Về tình hình sử dụng biên lai thuế

a) Tình hình sử dụng biên lai thuế:

STT	Nội dung	Số lượng biên lai
1	Số biên lai thuế bên ủy nhiệm thu cấp phát cho bên được uỷ nhiệm thu - <i>Loại biên lai</i> - <i>Loại biên lai</i>	
2	Số biên lai thuế bên được uỷ nhiệm thu đã sử dụng để thu thuế - <i>Loại biên lai</i> - <i>Loại biên lai</i>	
3	Số biên lai bị mất - <i>Loại biên lai</i> - <i>Loại biên lai</i>	
4	Số biên lai huỷ, ghi hỏng... - <i>Loại biên lai</i> - <i>Loại biên lai</i>	
5	Số biên lai thuế bên được uỷ nhiệm thu chưa sử dụng ($[5] = [1] - [2] - [3] - [4]$) - <i>Loại biên lai</i> - <i>Loại biên lai</i>	
6	Số biên lai thuế bên được uỷ nhiệm đã trả lại cho bên uỷ nhiệm thu - <i>Loại biên lai</i> - <i>Loại biên lai</i>	
	Trong đó: Số biên lai huỷ, ghi hỏng...	

	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Loại biên lai</i> - <i>Loại biên lai</i> 	
7	<p>Số biên lai thuế bên được ủy nhiệm thu chưa được trả lại cho bên ủy nhiệm thu ([7] = [5] - [6])</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Loại biên lai</i> - <i>Loại biên lai</i> <p>Trong đó: Số biên lai huỷ, ghi hỏng...</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Loại biên lai</i> - <i>Loại biên lai</i> 	

b) Về nguyên nhân, biện pháp xử lý số biên lai thuế đã huỷ, ghi hỏng và biên lai chưa sử dụng chưa được trả lại cho bên ủy nhiệm thu:

.....

.....

3. Về việc thanh toán thù lao ủy nhiệm thu

a) Quyết toán việc thanh toán thù lao ủy nhiệm thu:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng thù lao ủy nhiệm thu bên được ủy nhiệm thu được hưởng theo số thuế đã thu được nộp vào Ngân sách Nhà nước	
2	Tổng thù lao ủy nhiệm thu bên ủy nhiệm thu đã thanh toán cho bên được ủy nhiệm thu	
3	Tổng thù lao ủy nhiệm thu bên ủy nhiệm thu còn phải thanh toán cho bên được ủy nhiệm thu ([3] = [1] - [2])	

b) Về nguyên nhân, biện pháp xử lý số tiền thù lao bên ủy nhiệm thu còn phải thanh toán cho bên được ủy nhiệm thu (chưa thanh toán cho bên được ủy nhiệm thu):

.....

.....

4. Các vấn đề khác (nếu có): Hành vi vi phạm hợp đồng của các bên, trách nhiệm của các bên trong việc giải quyết các vấn đề còn tồn tại.....

.....

.....

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có giá trị pháp lý
như nhau, mỗi bên giữ bản./.

BÊN ỦY NHIỆM THU
(chức danh người đại diện)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU
(chức danh người đại diện - nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

Mẫu số: 03/UNTH
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 6/11/2013 của BTC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NỘP THUẾ
THEO HỢP ĐỒNG ỦY NHIỆM THU

Kính gửi: ...(*tên cơ quan thuế*).....

Căn cứ Hợp đồng ủy nhiệm thu số..... ngày/...../.....
giữa ...(*tên cơ quan thuế*) và ...(*tên của bên được ủy nhiệm thu thuế*).....;
...(*Tên của bên được ủy nhiệm thu thuế*)..... tổng hợp báo cáo việc thu nộp
thuế theo hợp đồng ủy nhiệm thu như sau:

1. Kết quả thu thuế theo hợp đồng ủy nhiệm thu:

STT	Loại thuế được uỷ nhiệm thu	Số tiền thuế phải thu	Số tiền thuế đã thu	Số tiền thuế còn phải thu	Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam			Số tiền thuế đã thu chưa nộp vào NSNN
					Số tiền	Số chứng tử nộp tiền	Ngày chứng tử nộp tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(4)-(6)
1	Thuế ...							
...							
	Cộng							

- Danh sách các hộ gia đình, các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh còn nợ tiền thuế được đính kèm theo.

2. Nguyên nhân dẫn đến việc nợ đọng tiền thuế như trên:

.....

3. Số kinh phí uỷ nhiệm thu đề nghị chi trả trên số thuế đã thu được nộp vào Ngân sách Nhà nước:

STT	Loại thuế được uỷ nhiệm thu	Số tiền thuế đã thu được nộp vào NSNN	Tỷ lệ trích thù lao kinh phí uỷ nhiệm thu	Số tiền thù lao được hưởng	Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam				
					(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3x(4))
1	Thuế...								
...								
	Cộng								

...(*Tên của bên được uỷ nhiệm thu thuế*)..... thông báo để cơ quan Thuế
biết./.

BÊN ĐƯỢC UỶ NHIỆM THU
(chức danh người đại diện - nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN SỬ DỤNG BIÊN LAI THUẾ

Kính gửi: ... (*Tên của bên uỷ nhiệm thu thuế*)

Căn cứ Hợp đồng ủy nhiệm thu số ngày/...../.....
 giữa ... (*tên của bên uỷ nhiệm thu thuế*) và ... (*tên của bên được uỷ nhiệm thu thuế*);

... (*Tên của bên được uỷ nhiệm thu thuế*) tổng hợp báo cáo sử dụng biên lai thu thuế theo hợp đồng uỷ nhiệm thu như sau:

STT	Loại biên lai đã nhận	Số đã nhận (từ số... đến số....)	Số đã sử dụng (từ số... đến số....)	Số bị mất (từ số... đến số....)	Số huỷ, ghi hỗn... (từ số... đến số....)	Số chưa sử dụng (từ số... đến số....)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (3)- (4)-(5)-(6)
1	Biên lai thu thuế - Quyển số ... - Quyển số ... - ...					
2	Biên lai thu thuế - Quyển số ... - Quyển số ... - ...					
3	Biên lai thu thuế - Quyển số ... - Quyển số ... - ...					
...					

... (*Tên của bên được uỷ nhiệm thu thuế*) thông báo để ... (*tên của bên uỷ
nhiệm thu thuế*) được biết./.

BÊN ĐƯỢC UỶ NHIỆM THU
(chức danh người đại diện - nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

GIẤY ĐỀ NGHỊ
KHÁU TRỪ THUẾ NƯỚC NGOÀI VÀO THUẾ PHẢI NỘP TẠI VIỆT NAM
THEO HIỆP ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết).....
(Áp dụng cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam)

Để nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

Áp dụng cho tổ chức

Áp dụng cho cá nhân

I. ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ

1. Người nộp thuế:

1.1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> <input type="checkbox"/> <i>CMND</i> <input type="checkbox"/> <i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/> <i>Số:</i> <i>Ngày cấp:...../...../..... tại</i> <i>Cơ quan cấp</i>			
1.2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....			
1.3.	Tư cách pháp lý			
	<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề độc lập</i>	<input type="checkbox"/>
	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>
	<i>Khác</i> <i>Nêu rõ:</i>	<input type="checkbox"/>		
1.4. a.	Địa chỉ tại Việt Nam:..... <i>Số điện thoại:..... Số Fax:</i> <i>E-mail:</i> <i>Địa chỉ trên là:</i> <i>Trụ sở chính</i> <input type="checkbox"/> <i>Nhà ở thường trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Khác</i> <input type="checkbox"/> <i>Nêu rõ:</i>			
1.4. b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (<i>nếu khác với địa chỉ nêu trên</i>). <i>Số điện thoại:..... Số Fax:</i> <i>E-mail:</i>			
1.5.	Quốc tịch:			
	<i>Việt Nam</i> <input type="checkbox"/>	<i>Nước ký kết</i> <input type="checkbox"/>	<i>Nước khác</i>	<input type="checkbox"/>
1.6.	Mã số thuế tại Việt Nam (<i>nếu có</i>):			
1.7. a.	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... <i>Số điện thoại:..... Số Fax:</i> <i>E-mail:</i> <i>Địa chỉ trên là:</i> <i>Văn phòng</i> <input type="checkbox"/> <i>Cơ sở thường trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Noi làm việc</i> <input type="checkbox"/> <i>Noi lưu trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Khác</i> <input type="checkbox"/> <i>Nêu rõ:</i>			
1.7. b.	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết (<i>nếu khác với địa chỉ nêu trên</i>). <i>Số điện thoại:..... Số Fax:</i> <i>E-mail:</i>			
1.8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (<i>nếu có</i>).....			

2. Đại diện được uỷ quyền¹:

¹ Trường hợp người nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định, bên được uỷ quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kê cả phần I.2. của Giấy đề nghị này.

2.1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> <input type="checkbox"/> <i>CMND</i> <input type="checkbox"/> <i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/> Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....												
2.2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....												
2.3.	Mã số thuế (nếu có):.....												
2.4.	Giấy uỷ quyền số: ngày												
2.5.	Tư cách pháp lý <table border="1"> <tr> <td><i>Pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td><i>Liên danh không tạo pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>Khác</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td><i>Đại lý thuế</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>Nêu rõ:</i>.....</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Đại lý thuế</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Nêu rõ:</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>										
<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>										
<i>Đại lý thuế</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Nêu rõ:</i>	<input type="checkbox"/>										

II. ĐỐI TƯỢNG CHI TRẢ THU NHẬP

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Giấy đề nghị này với đầy đủ các thông tin dưới đây)

1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> <input type="checkbox"/> <i>CMND</i> <input type="checkbox"/> <i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/> Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....												
2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....												
3.	Mã số thuế (nếu có):.....												
4.	Tư cách pháp lý <table border="1"> <tr> <td><i>Pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td><i>Liên danh không tạo pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>Khác</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td><i>Nêu rõ:</i>.....</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>			<i>Nêu rõ:</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>										
<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>										
		<i>Nêu rõ:</i>	<input type="checkbox"/>										

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

- Năm đề nghị áp dụng Hiệp định:
- Đối tượng đề nghị khấu trừ thuế đã nộp ở nước ngoài điền các thông tin được ghi tại các mục dưới đây.
 - Số thuế đề nghị khấu trừ trực tiếp
 - Số thu nhập chịu thuế ở nước ngoài:
 - Loại thu nhập:
 - Thời gian phát sinh thu nhập:
 - Thuế suất:
 - Số thuế đã nộp ở nước ngoài:
 - Số thuế khoán đề nghị khấu trừ:
 - Số thu nhập nhận được ở nước ngoài thuộc diện khoán thuế:
 - Loại thu nhập:

- Thời gian phát sinh thu nhập:
 - Thuế suất:
 2.3. Số thuế đề nghị khấu trừ gián tiếp:
 - Số thu nhập chịu thuế ở nước ngoài:
 - Loại thu nhập:
 - Thời gian phát sinh thu nhập:
 - Thuế suất:
 - Số thuế đã nộp ở nước ngoài:

IV. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH PHÁT SINH THU NHẬP LIÊN QUAN ĐẾN SỐ THUẾ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH

1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....
.....

2. Giải trình khác:

.....

3. Tài liệu gửi kèm:

1.
2.
3.

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

...., ngày tháng năm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM
THEO HIỆP ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ ... (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết)....
(Dành cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú nước ngoài)

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

Áp dụng cho tổ chức

Áp dụng cho cá nhân

I. ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ

1. Người nộp thuế:

1.1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> <input type="checkbox"/> <i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/> Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....		
1.2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....		
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: <i>Văn phòng ĐD</i> <input type="checkbox"/> <i>Cơ sở thường trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Nơi làm việc</i> <input type="checkbox"/> <i>Nơi lưu trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Khác</i> <input type="checkbox"/> <i>Nêu rõ:</i>		
1.3.b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (<i>nếu khác với địa chỉ nêu trên</i>)..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:		
1.4.	Mã số thuế tại Việt Nam (<i>nếu có</i>):		
1.5.	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:		
1.6.	Địa chỉ tại Nước ký kết: Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:		
1.7.	Tư cách pháp lý		
	<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề độc lập</i> <input type="checkbox"/>
	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i> <input type="checkbox"/>
	<i>Khác</i> <i>Nêu rõ</i>	<input type="checkbox"/>	
1.8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (<i>nếu có</i>).....		

2. Đại diện được uỷ quyền¹:

2.1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> <input type="checkbox"/> <i>CMND</i> <input type="checkbox"/> <i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/>
------	--

¹ Trường hợp đối tượng nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định, bên được uỷ quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kê cả phần I.2. của Giấy đề nghị này.

	Số:	Ngày cấp: / / tại Cơ quan cấp.....		
2.2.	Địa chỉ:	Số điện thoại: Số Fax: E-mail:		
2.3.	Mã số thuế (nếu có):			
2.4.	Tư cách pháp lý			
	<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>
	<i>Liên doanh không tạo thành pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>
	<i>Đại lý thuế (nếu có)</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Nêu rõ:</i>	

II. ĐỐI TƯỢNG CHI TRẢ THU NHẬP

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Giấy đề nghị này)

1.	Tên đầy đủ:	<i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> <input type="checkbox"/>		
	<i>CMND</i> <input type="checkbox"/> <i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/>			
	Số:			
	Ngày cấp: / / tại Cơ quan cấp.....			
2.	Địa chỉ:	Số điện thoại: Số Fax: E-mail:		
3.	Mã số thuế (nếu có):			
4.	Tư cách pháp lý			
	<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>
	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>
			<i>Nêu rõ:</i>	

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Năm đề nghị áp dụng Hiệp định:
2. Đối tượng đề nghị, tuỳ theo mục đích xin áp dụng Hiệp định, lựa chọn và điền các thông tin được ghi tại các mục từ mục a đến b dưới đây.

- a. Xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam:

- a.1. Số thu nhập chịu thuế tại Việt Nam:
- a.2. Loại thu nhập:
- a.3. Thời gian phát sinh thu nhập:
- a.4. Số thuế đã nộp:

- b. Xác nhận số thuế phát sinh tại Việt Nam nhưng không phải nộp do được hưởng ưu đãi thuế:

- b.1. Số thu nhập thuộc diện được ưu đãi:
- b.2. Loại thu nhập:
- b.3. Thời gian phát sinh thu nhập:

b.4. Số thuế/thuế suất ưu đãi:

**IV. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH PHÁT SINH THU NHẬP LIÊN QUAN
ĐẾN SỐ THUẾ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH**

1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

2. Giải trình khác:

.....

3. Tài liệu gửi kèm:

1.

2.

3.

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

Ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TỔNG CỤC THUẾ
General Department of Taxation
 CỤC THUẾ
Tax Department of

Số (No.):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

....., ngày (day) tháng (month) năm (year)

GIẤY XÁC NHẬN THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM

Certificate of Income Tax Paid in Viet Nam

(Sử dụng cho thuế thu nhập cá nhân hoặc thu nhập doanh nghiệp)

To be used for Personal Income Tax or Business Income Tax

I. NGƯỜI NỘP THUẾ: *TAXPAYER*

Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

Áp dụng cho tổ chức

Áp dụng cho cá nhân

Tick off (x) in the relevant box: for Entity for Individual

1.	Tên đầy đủ <i>Full name</i>		
	<input type="checkbox"/> Giấy phép thành lập <i>Incorporation license</i> CMND <input type="checkbox"/> <i>ID</i> <input type="checkbox"/> Hộ chiếu <i>Passport</i>		
	Số/No.: Ngày cấp:/...../..... tại Cơ quan cấp..... <i>Date of issue: dd/mm/yy</i> <i>in</i> <i>Issuing agency</i>		
2.	Tên sử dụng trong giao dịch..... <i>Name used in transaction</i>		
3.	Tư cách pháp lý (Legal status) <input type="checkbox"/> Pháp nhân <i>Legal Entity</i> <input type="checkbox"/> Cá nhân hành nghề phụ thuộc <i>Individual practicing dependent service</i> <input type="checkbox"/> Liên danh không tạo pháp nhân <i>Partnership not forming legal entity</i> <input type="checkbox"/> Cá nhân hành nghề độc lập <i>Individual practicing independent service</i> <input type="checkbox"/> Khác <i>Other</i> Nêu rõ: <i>Specify</i>		
4.	Đối tượng cư trú của nước <i>Resident of</i> <input type="checkbox"/> Việt Nam <i>Viet Nam</i> <input type="checkbox"/> Nước ký kết <i>Contracting State</i> <input type="checkbox"/> Nước khác <i>Other</i>		
5.	Giấy phép kinh doanh tại Việt Nam số (<i>nếu có</i>): <i>Number of business license in Viet Nam (if any)</i> Ngày cấp...../...../..... tại CƠ QUAN CẤP..... <i>Date of issue</i> <i>in</i> <i>issuing agency</i>		
6.	Mã số thuế tại Việt Nam (<i>nếu có</i>)		

	<i>Tax Identification Number in Viet Nam (if any)</i>	
7.	Địa chỉ tại Việt Nam <i>Address in Viet Nam.....</i> Số điện thoại/Tel: Sô Fax/Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: <i>This address is:</i> Trụ sở chính <input type="checkbox"/> Nơi làm việc <input type="checkbox"/> <i>Headquarters</i> <i>Office</i> Văn phòng ĐD <input type="checkbox"/> Nơi lưu trú <input type="checkbox"/> <i>Representative Office</i> <i>Domicile</i> Cơ sở thường trú <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> Nêu rõ:..... <i>Permanent Establishment</i> <i>Other</i> <i>Specify</i>	
8.	Địa chỉ tại nước liên quan (<i>Nước kí kết hoặc nước khác theo thông tin tại điểm I.4</i>): <i>Address in relevant State (Contracting State or other in conformity with information in I.4 section).....</i> Số điện thoại/Tel: Sô Fax/Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: <i>This address is:</i> Trụ sở chính <input type="checkbox"/> Nơi làm việc <input type="checkbox"/> <i>Headquarters</i> <i>Office</i> Văn phòng ĐD <input type="checkbox"/> Nơi lưu trú <input type="checkbox"/> <i>Representative Office</i> <i>Domicile</i> Cơ sở thường trú <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> Nêu rõ:..... <i>Permanent Establishment</i> <i>Other</i> <i>Specify</i>	

II. XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP

Certifying tax paid

1. Kỳ tính thuế

Taxable period

từ ngày / / đến / /

From dd/mm/yy

to dd/mm/yy

2. Thuế đã nộp

Tax paid

Loại thu nhập <i>Type of Income</i>	Số thu nhập chịu thuế <i>Taxable income</i>	Số thuế phải nộp <i>Tax payable</i>			Số thuế đã nộp* <i>Tax paid</i>	Ngày nộp <i>Due date</i>
		Số thuế phải nộp <i>Total of tax payable</i>	Số thuế thực phải nộp <i>Actual tax due</i>	Số thuế được miễn giảm <i>Exempted or reduced amount of tax</i>		
<i>Tổng cộng</i>						

* *Tổng số thuế đã nộp bằng chữ* (Total tax paid in words):

Cục Thuế tỉnh/thành phố..... xác nhận đã thu
(và/hoặc miễn, giảm) số thuế thu nhập của đối tượng nộp thuế nêu trên.

It is hereby certified that the Tax Department of..... has received (and/or granted the exemption, the reduction of) the mentioned income tax amount from (to) the above taxpayer.

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ.....
Director of Tax Department of.....
(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu) – (Sign, name and seal)

TỔNG CỤC THUẾ
General Department of Taxation
Cục Thuế.....
Tax Department of.....
Số (No.):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

....., ngày (day) tháng (month) năm (year)

**GIẤY XÁC NHẬN THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM
ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LÃI CỔ PHẦN, LÃI TIỀN CHO VAY,
TIỀN BẢN QUYỀN HOẶC PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
CERTIFICATE OF TAX PAID ON DIVIDEND, INTEREST, ROYALTY OR
TECHNICAL FEE**

Cục Thuế tỉnh/thành phố..... xác nhận
đã thu (và/hoặc miễn, giảm) số thuế thu nhập của đối tượng nộp thuế dưới đây đối với
thu nhập từ:

The Tax Department of..... certifies that it has received (and/or granted the exemption, the reduction of) the income tax amount from (to) the following taxpayer in respect of income on:

Tiền lãi cổ phần Lãi tiền cho vay Tiền bản quyền Phí dịch vụ kỹ thuật
Dividend *Interest* *Royalty* *Technical fee*

Đối tượng thực hưởng (beneficial owner)

Tên

(Name):.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc chứng minh thư/hộ chiếu):.....

Tax identification number (or I.D card/passport)

**Đối tượng được uỷ quyền nhận thu nhập (trong trường hợp không phải là đối tượng
thực hưởng)**

Designated person as beneficiary (other than the beneficial owner)

Tên (Name):.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc chứng minh thư/hộ chiếu):.....

Tax identification number (or I.D card/passport)

Đối tượng trả thu nhập (Income payer)

Tên (Name):.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc chứng minh thư/hộ chiếu):.....

Tax identification number (or I.D card/passport)

Lý do chi trả thu nhập (*reason for which the payment is made*):

.....

Thu nhập chịu thuế <i>Taxable income</i>	Số thuế phải nộp <i>Tax payable</i>			Số thuế đã nộp* <i>Tax paid</i>	Ngày nộp <i>Due date</i>
	Tổng số thuế phải nộp <i>Total of tax payable</i>	Số thuế thực phải nộp <i>Actual tax due</i>	Số thuế được miễn giảm <i>Exempted or reduced amount of tax</i>		

* Số thuế đã nộp bằng chữ (*Tax paid amount in words*):

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ.....
Director of Tax Department of.....
 (Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu) – (*Sign, name and seal*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 &

Hà Nội, ngày tháng năm....

Kính gửi:

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN Cư TRÚ CỦA VIỆT NAM
 (Dành cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam)

I. Người nộp thuế:

Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

Áp dụng cho tổ chức Áp dụng cho cá nhân

1.	Tên đầy đủ:..... Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề <input type="checkbox"/> CMND <input type="checkbox"/> Hộ chiếu <input type="checkbox"/> Số:..... Ngày cấp:/...../..... tại Cơ quan cấp.....
2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....
3.	Tư cách pháp lý Pháp nhân <input type="checkbox"/> Cá nhân hành nghề độc lập <input type="checkbox"/> Liên danh không tạo pháp nhân <input type="checkbox"/> Cá nhân hành nghề phụ thuộc <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> Nêu rõ:.....
4.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: Trụ sở chính <input type="checkbox"/> Nhà ở thường trú <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> Nêu rõ.....
4.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:
5.	Quốc tịch: Việt Nam <input type="checkbox"/> Nước ký kết <input type="checkbox"/> Nước khác <input type="checkbox"/>
6.	Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):
7.a	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là Văn phòng ĐD <input type="checkbox"/> Cơ sở thường trú <input type="checkbox"/> Nơi làm việc <input type="checkbox"/> Nơi lưu trú <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> Nêu rõ.....
7.b	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:
8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có):.....

Năm đề nghị xác nhận đối tượng cư trú: từ đến
 Thời gian có mặt tại Việt Nam trong các năm xin xác nhận cư trú (chỉ áp dụng đối
 với cá nhân)

- 1.....
2.....
3.....

Nguồn thu nhập chủ yếu của bản thân cá nhân trong các năm nói trên phát sinh từ
(chỉ áp dụng đối với cá nhân):

Việt Nam Nước ký kết Nước khác

II. Đại diện được uỷ quyền¹:

1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> <input type="checkbox"/> <i>CMND</i> <input type="checkbox"/> <i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/> Số:..... Ngày cấp:/...../..... tại Cơ quan cấp.....												
2.	Địa chỉ giao dịch:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....												
3.	Mã số thuế (nếu có):.....												
4.	Tư cách pháp lý <table border="1"> <tr> <td><i>Pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td><i>Liên danh không tạo pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>Khác</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td><i>Đại lý thuế (nếu có)</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>Nêu rõ:</i>.....</td> <td></td> </tr> </table>	<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Đại lý thuế (nếu có)</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Nêu rõ:</i>	
<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>										
<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>										
<i>Đại lý thuế (nếu có)</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Nêu rõ:</i>											

Tài liệu gửi kèm:

1.
2.
3.

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

¹ Trường hợp người nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định, bên được uỷ quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kê cả phần II của Giấy đề nghị này.

Mẫu số: 07/HTQT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156 /2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ
GENERAL DEPARTMENT OF
TAXATION

CỤC THUẾ.....
TAX DEPARTMENT OF
Số/No.:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN Cư TRÚ
RESIDENCE CERTIFICATE

Tên đối tượng:

Name:

Mã số đăng ký thuế (*nếu có*)
Tax Identification Number (if any)

Địa chỉ:

Address:

Thẻ theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
và về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế
đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, chúng tôi xác nhận rằng đối tượng nêu trên là
đối tượng cư trú của Việt Nam dưới giác độ thuế theo luật của nước Cộng hoà xã hội
chủ nghĩa Việt Nam và phù hợp với quy định tại Hiệp định nói trên trong thời gian
từ đến

In compliance with the Agreement between the Government of the Socialist
Republic of Vietnam and the Government of for the
Avoidance of Double Taxation and Prevention of Fiscal Evasion with respect to Taxes
on Income, it is hereby certified that the above-mentioned person is, by the laws of the
Socialist Republic of Vietnam and in accordance with this Agreement, a resident of
Vietnam for the taxation purposes for the period from to

..... Ngày tháng năm
Day month year
(Ký tên) (Signature)
(Chức vụ người ký) (Designation)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN (GIẢM) THUẾ

Kính gửi: ... (Tên cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Quận/huyện: Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Đề nghị được miễn (giảm) thuế với lý do và số thuế miễn (giảm) cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị miễn (giảm) thuế:

(Ghi rõ loại thuế đề nghị miễn (giảm); căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế để đề nghị miễn (giảm) thuế: thuộc đối tượng, trường hợp được miễn (giảm) nào, lý do cụ thể như: thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ (ghi cụ thuế số tài sản bị thiệt hại, số lô)... Trường hợp đề nghị miễn (giảm) thuế tài nguyên thì cần ghi rõ thêm loại tài nguyên, địa điểm, hình thức khai thác, nơi tiêu thụ).

2. Xác định số thuế được miễn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế đề nghị miễn (giảm)	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế đề nghị miễn (giảm)	Số tiền thuế đã nộp (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Thuế Thu nhập doanh nghiệp			
2.	Thuế Tiêu thụ đặc biệt			
....			
	Cộng			

3. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

(1)

(2)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn:

Xác nhận của cơ quan kiểm lâm trực tiếp quản lý rừng:
(đối với cá nhân, hộ gia đình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ, GIÁ TRỊ THIỆT HẠI VỀ TÀI SẢN

Căn cứ ...

Hôm nay, hồi giờ..... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:.....;
2. Chức vụ:.....;

Cá nhân/ tổ chức có tài sản bị thiệt hại là:

Tên cá nhân/tổ chức: - Mã số thuế:.....;

Giấy CMND/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận đăng ký hoạt động số: do cấp ngày:.....

Địa chỉ:

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;
Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số:..... Ngày cấp: Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

2. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;
Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số:..... Ngày cấp: Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Tiến hành lập biên bản xác định mức độ, giá trị tài sản bị thiệt hại như sau:

1. Nguyên nhân gây thiệt hại:

(Nêu rõ sự kiện, địa điểm và thời điểm xảy ra sự kiện gây thiệt hại)

2. Xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị thiệt hại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
....			
	Tổng cộng			

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:

**CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
CÓ TÀI SẢN BỊ THIỆT HẠI**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn (giảm) thuế cho....(tên người nộp thuế)....
(được bãi bỏ)⁴⁶

⁴⁶ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Thông tư số 76/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 và khoản 3 Điều 20 Thông tư số 77/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Mẫu số: 04/MGTH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày.....thángnăm

THÔNG BÁO

Về việc người nộp thuế không thuộc diện được miễn thuế (giảm thuế)

Kính gửi:.....

Mã số thuế:

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành,

Sau khi xem xét văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế số ngày ...
tháng... năm... kèm theo hồ sơ của(tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ),

...(Tên cơ quan thuế)..... thông báo:

Trường hợp của(tên người nộp thuế)..... không đủ điều kiện được
miễn giảm thuế. Lý do:

1.....

2.....

...

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan
thuế..... theo số điện thoại: địa chỉ:hoặc có văn
bản gửi cơ quan Thuế trực tiếp quản lý.

...(Tên cơ quan thuế) thông báo để người nộp thuế được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu VT;....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THÔNG BÁO MIỄN, GIẢM THUẾ THEO ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

1. Người đề nghị:

Địa chỉ:

Số điện thoại (Tel):.....

Số Fax (Fax): E-mail:

2. Đại diện được ủy quyền: (*trường hợp nhà thầu nước ngoài ủy quyền cho một tổ chức hoặc cá nhân Việt Nam thực hiện các thủ tục thông báo miễn, giảm thuế*).

Tên đầy đủ (viết hoa):

Số Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hành nghề số:

Ngày cấp:...../...../..... Cơ quan cấp.....

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax: E-mail:

Mã số thuế:

Giấy uỷ quyền số: ngày tháng năm

3. Thông tin về giao dịch phát sinh đề nghị miễn thuế:

3.1. (*Giải trình tóm tắt về hoạt động kinh doanh/giao dịch phát sinh doanh thu. Nếu rõ hoạt động kinh doanh/giao dịch thuộc phạm vi miễn, giảm thuế quy định tại Điều khoản cụ thể nào của Điều ước quốc tế*):
.....

3.2. Giải trình khác:
.....

4. Tài liệu gửi kèm:

- i) Bản chụp Điều ước quốc tế;
- ii) Bản chụp hợp đồng với Bên Việt Nam;
- iii) Bản dịch tóm tắt hợp đồng;
- iv) Giấy uỷ quyền¹.

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

....., ngày..... tháng năm

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ĐẠI DIỆN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

¹ Giấy ủy quyền cần có đủ chữ ký của đại diện hai Bên. Không cần công chứng hoặc chứng thực.

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN ĐỀ XUẤT KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Tên Cơ quan:

Xác nhận:

1.(Tên Điều ước quốc tế).... được ký ngày/..../. Cho đến nay(Tên Điều ước quốc tế).... đã hết/vẫn còn hiệu lực thi hành.

2. Các khoản thu nhập của(Tên nhà thầu nước ngoài)...., địa chỉ: tại Hợp đồng (Tên hợp đồng kinh tế ký kết giữa nhà thầu nước ngoài và Bên Việt Nam) (đề nghị liệt kê chi tiết các khoản thu nhập nhà thầu nước ngoài thu được từ Hợp đồng ký với Bên Việt Nam – nếu có) được quy định tại Điều ..., Khoản ... của Hợp đồng thuộc phạm vi miễn, giảm thuế quy định tại Điều ..., Khoản ... của Điều ước quốc tế nêu trên.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 01/XOANO
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề nghị xóa nợ tiền thuế

....., ngày.....thángnăm

Kính gửi: ...(*Tên cơ quan cấp trên*) ...

Căn cứ Điều 65 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Khoản 20, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

... (*Tên cơ quan thuế ban hành văn bản*)... đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt cho ... (số lượng) người nộp thuế chi tiết theo bảng kê đính kèm công văn.

... (*Tên cơ quan thuế ban hành văn bản*)... gửi kèm Công văn này hồ sơ đề nghị xóa nợ cho người nộp thuế.

Đề nghị ...(*Tên cơ quan cấp trên*) ... giải quyết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH VĂN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02/XOANO
(*Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính*)

**TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../TB-...
V/v bổ sung hồ sơ đề nghị
xóa nợ tiền thuế

....., ngày.....thángnăm

Kính gửi: ...(*Tên cơ quan thuế đề nghị*)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi bổ sung Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (gọi tắt là tiền thuế) kèm theo Công văn số ngày .../.../.... của ... (*Tên cơ quan thuế đề nghị*) ...

... (*Tên cơ quan thuế ban hành thông báo*)... thông báo:

Hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế của ...(*Tên cơ quan thuế đề nghị*)... không đầy đủ theo quy định, cụ thể còn thiếu những nội dung và tài liệu sau đây:

.....
(*Liệt kê những nội dung và tài liệu còn thiếu*)
.....

Đề nghị ... (*Tên cơ quan thuế đề nghị*) ... bổ sung hồ sơ và gửi về ... (*Tên cơ quan thuế ban hành thông báo*) ... trước ngày .../.../....

Trường hợp không bổ sung được các tài liệu nêu trên ...(*Tên cơ quan thuế đề nghị*)... có trách nhiệm đôn đốc người nộp thuế nộp đầy đủ tiền thuế nợ vào Ngân sách Nhà nước.

...(*Tên cơ quan thuế ban hành thông báo*)... thông báo để ... (*Tên cơ quan thuế đề nghị*)... biết và thực hiện./.

Noi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO
(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xoá nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt cho ...(*tên người nộp thuế*)...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt của(*tên người nộp thuế*)..., mã số thuế ... tính đến thời điểm ngày .../.../... do ... (*nêu lý do xóa nợ*)... với tổng số tiền là: ... đồng (viết bằng chữ: ...), trong đó (chi tiết theo từng loại thuế):

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Số tiền
1		
2		
...		

Các khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nợ nêu trên thì đồng thời được xóa khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xoá.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố.....chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ thuế.

Điều 2. Căn cứ vào số thuế được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế ... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của ... (*tên người nộp thuế*)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố....và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở TC tỉnh, TP;
- Tổng cục Thuế;
-;
- Lưu: VT, ...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

Số: ... /QĐ-TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xoá nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt cho ... (tên người nộp thuế)...

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt của(tên người nộp thuế)..., mã số thuế ... tính đến thời điểm ngày .../.../... do ... (nêu lý do xóa nợ)... với tổng số tiền là: ... đồng (viết bằng chữ: ...), trong đó (chi tiết theo từng loại thuế):

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Số tiền
1		
2		
...		

Các khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nợ nêu trên thì đồng thời được xóa khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xoá.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố ... chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số thuế được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của ... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Vụ trưởng Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố....và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- Sở TC tỉnh, TP;
- ...;
- Lưu: VT,....

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05/XOANO
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH

Số: ... /QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xoá nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt cho ... (tên người nộp thuế)...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt của(tên người nộp thuế)..., mã số thuế ... tính đến thời điểm ngày .../.../... do ... (nêu lý do xóa nợ)... với tổng số tiền là: ... đồng (viết bằng chữ: ...), trong đó (chi tiết theo từng loại thuế):

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Số tiền
1		
2		
...		

Các khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nợ nêu trên thì đồng thời được xóa khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xoá.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số thuế được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của ... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố....và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- Sở TC tỉnh, TP;
- ...;
- Lưu: VT, ...

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06/XOANO
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số: /QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xoá nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt cho ... (tên người nộp thuế)...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 32 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt của(tên người nộp thuế)..., mã số thuế ... tính đến thời điểm ngày .../.../... do ... (nêu lý do xóa nợ)... với tổng số tiền là: ... đồng (viết bằng chữ: ...), trong đó (chi tiết theo từng loại thuế):

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

STT	Loại thuế	Số tiền
1		
2		
...		

Các khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nợ nêu trên thì đồng thời được xóa khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xoá.

Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số thuế được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của ... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố....và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- Sở TC tỉnh, TP;
- ...;
- Lưu: VT, ...

THỦ TƯỚNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 07/XOANO
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-...
V/v không thuộc trường
hợp được xóa nợ tiền thuế

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: ...(*Tên cơ quan thuế đề nghị*) ...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (gọi tắt là tiền thuế) kèm theo công văn số ... ngày .../.../... của (*tên cơ quan thuế đề nghị*)...

... (*Cơ quan thuế ban hành thông báo*) ... thông báo:

Trường hợp của ...(*tên người nộp thuế*) ... không đủ điều kiện được xóa nợ tiền thuế. Lý do:

1.....

2.....

...

Người nộp thuế có nghĩa vụ nộp đầy đủ số tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

...(*Cơ quan thuế ban hành thông báo*)... thông báo để ...(*cơ quan thuế đề nghị*) ... được biết và hướng dẫn người nộp thuế thực hiện./.

Noi nhận:

- Như trên;
-(*tên người nộp thuế*)...;
- ...;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Mẫu số: 01/ĐNHT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

[01] Trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau:

Trường hợp kiểm tra trước, hoàn thuế sau:

Kính gửi:(tên cơ quan thu, cơ quan có thẩm quyền hoàn trả).....

I- Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn trả:

- [02] Tên người nộp thuế:
- [03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--
- [04] CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: / / Nơi cấp: Quốc tịch:
- [05] Địa chỉ:
- [06] Quận/huyện: [07] Tỉnh/thành phố:
- [08] Điện thoại: [09] Fax: [10] Email:
- [11] Tên đại lý thuế (nếu có):
- [12] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--
- [13] Địa chỉ:
- [14] Quận/huyện: [15] Tỉnh/thành phố:
- [16] Điện thoại: [17] Fax: [18] Email:
- [19] Họp đồng đại lý thuế số: ngày

II- Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN):

1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Số TT	Loại thuế	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế nộp thừa (tính đến thời điểm đề nghị hoàn)	Số thuế GTGT chưa khấu trừ hết đã đề nghị hoàn trên tờ khai thuế GTGT	Số tiền đề nghị hoàn	Lý do đề nghị hoàn trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng cộng						

2. Hình thức đề nghị hoàn trả:

2.1. Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Khoản phải nộp NSNN (loại thuế, khoản phạt)	Cơ quan thu			Thời gian phát sinh khoản phải nộp (Kỳ tính thuế)	Quyết định thu/ Tờ khai hải quan		Nộp vào tài khoản		Số tiền
		Cơ quan thuế	Cơ quan Hải quan	Cơ quan khác		Số	Ngày	Thu NSNN	Tam thu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Cộng theo loại thuế, cơ quan thu, kỳ tính thuế										
		TỔNG CỘNG								

Tổng số tiền nộp NSNN ghi bằng chữ:.....

2.2. Hoàn trả trực tiếp :

Số tiền hoàn trả: Bằng số: Bằng chữ:

Hình thức hoàn trả:

- Chuyển khoản: Tài khoản số: Tại Ngân hàng (KBNN).....
 Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

III- Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

- 1
2

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- **Kỳ thuế:** Trường hợp đề nghị hoàn thuế cho nhiều tháng, năm thì ghi rõ từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm... có liên quan.
- **"Lý do đề nghị hoàn trả":** Ghi rõ đề nghị hoàn theo quy định tại Điểm, Khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
- **"Quyết định thu/Tờ khai hải quan":** Ghi Quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền hoặc tờ khai hải quan có nợ thuế chưa nộp NSNN.
- **"Nộp vào tài khoản":** Đánh dấu "V" vào cột tài khoản có liên quan.
- **KBNN: Kho bạc Nhà nước.**
- **NSNN: Ngân sách Nhà nước.**
- **GTGT: Giá trị gia tăng.**

Mẫu số: 01-1/ĐNHT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO
(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ... ngày ... tháng... năm...)
(được bãi bỏ)⁴⁷

⁴⁷ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

**BẢNG KÊ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO
 DÙNG CHO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO**

Cơ quan lãnh sự, Cơ quan đại diện của Tổ chức Quốc tế tại Việt Nam (*)
 (Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ... ngày ...)

Form No: 01-2/ĐNHT

*A list of Value-added Tax refund over goods and services purchased by
 Diplomatic Missions, Consular posts, Representative Offices of International
 organizations in Vietnam (*)*

(Attached to the Notice of proposal for Refund of tax collected No..... dated.....)

- Cơ quan đại diện (*Mission*):

- Trụ sở tại (*address*):

- Mã số thuế (*tax code*):

- Đề nghị được hoàn thuế GTGT vào tài khoản số tại ngân hàng cho những
 hàng hoá, dịch vụ hoặc cho xăng dùng cho xe cơ quan mang biển số: mua trong quý
 ...năm ... dùng cho cơ quan.

*(request to refund VAT at the account No in the bank over goods
 and services or carburant for vehicle Plate No purchased on quarter ... year ... by the
 Mission)*

Đơn vị tiền (*currency unit*): Đồng Việt Nam (*Vietnamese dong*)

Số TT (No)	Hoá đơn (Invoice)				Tên và mã số thuế nhà cung cấp (Supplier's name & tax code)	Tên hàng hoá, dịch vụ (Name of purchased goods & services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Doanh số mua chưa có thuế GTGT (Purchased price without VAT)	Tiền thuế GTGT (Refundable tax)	Cục Lễ tân đuyệt về danh mục, số lượng hàng hoá, dịch vụ (Certification of the Protocol Department about kind and quantity of goods and services)
	Mẫu số (Template no)	Ký hiệu (Symbol)	Số (No)	Ngày, tháng, năm phát hành (Date of release)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	...										
...	...										
Cộng (Total)											

Trưởng cơ quan đại diện hoặc
 Phó trưởng Cơ quan đại diện ký xác nhận, đóng dấu
(Signed by Head or Deputy Head of Mission and stamp)

Cục Lễ tân Nhà nước trực thuộc Bộ ngoại giao xác nhận người khai được hoàn thuế GTGT đối với:

- xăng, dầu diesel theo tiêu chuẩn định lượng dành cho xe cơ quan cho xe ô-tô mang biển số nêu trên.
 - hàng hoá, dịch vụ nêu trên trừ những hàng hoá dịch vụ mua trong hoá đơn số :
- The Protocol Department-MOFA certifies that the Mission enjoys VAT refund for:*
- over carburant according to the Mission's vehicle quota for the above mentioned Vehicle Plate No
 - over goods or services mentioned above except for those of invoice(s)No :

....., ngày... tháng... năm...
....., date...month...year..

Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước
Director of Protocol Department

(*) - Khai và gửi Cục Lễ tân Nhà nước trực thuộc Bộ ngoại giao 3 bản. (*Please fill in triplicate and send them to the Protocol Department of MOFA*)

- Trong trường hợp đề nghị hoàn thuế GTGT cho xăng xe ô-tô. Khai riêng xăng dùng cho từng xe.

(Please fill in separate application per vehicle in case the Mission request to refund VAT over carburant for vehicle)

Ghi chú (Note): GTGT: giá trị gia tăng
(VAT: Value-added Tax)

Mẫu số: 01-3/ĐNHT
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO
 DÙNG CHO VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VIỆT NAM (*)
 (Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số..... ngày ...)**

Form No: 01-3/ĐNHT

*A list of Value-added Tax refund over goods and
 services purchased by Diplomatic staff in Vietnam (*)*

(Attached to the Notice of proposal for Refund of tax collected No..... dated.....)

- Ông/Bà (Mr/Ms):.....
- Cơ quan công tác(Mission): Chức vụ(Position)
- Chứng minh thư số (ID card No):.....
- Ngày cấp (date of issue)..... Ngày hết hạn (date of expiry)
- Mã số thuế (tax code):.....
- Đề nghị được hoàn thuế GTGT vào tài khoản số tại ngân hàng cho những hàng hoá, dịch vụ hoặc cho xăng dầu (cho xe cá nhân mang biển số:) mua trong quý năm ... dùng dùng cho viên chức ngoại giao.

*(request to refund VAT at the account No..... in the bank..... over
 goods and services or carburant (for personal vehicle Plate No) purchased on quarter
 year by the Diplomatic staff)*

Đơn vị tiền (currency unit): Đồng Việt Nam (Vietnamese dong)

Số TT (No)	Hoá đơn (Invoice)					Tên và mã số thuế nhà cung cấp (Supplier's name & tax code)	Tên hàng hoá, dịch vụ (Name of purchased goods & services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Doanh số mua chưa có thuế GTGT (Purchased price without VAT)	Tiền thuế GTGT (Refundable tax)	Cục Lễ tân đuyệt về danh mục, số lượng hàng hoá, dịch vụ (Certification of the Protocol Department about kind and quantity of goods and services)
	Mẫu số (Template no)	Ký hiệu (Symbol)	Số (No)	Ngày, tháng, năm phát hành (Date of release)	(6)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	...											
...	...											
Cộng (Total)												

*Trưởng cơ quan đại diện hoặc
 Phó trưởng Cơ quan đại diện ký xác nhận, đóng dấu
 (Signed by Head or Deputy Head of Mission and stamp)*

Cục Lễ tân Nhà nước trực thuộc Bộ ngoại giao xác nhận người khai được hoàn thuế GTGT đối với:

- xăng, dầu diezel theo tiêu chuẩn định lượng cho xe ô-tô mang biển số nêu trên;
- hàng hoá, dịch vụ nêu trên trừ những hàng hoá dịch vụ mua trong hoá đơn số :

The Protocol Department-MOFA certifies that the Diplomatic staff enjoys VAT refund for:

- over carburant according to the quota for the above-mentioned Vehicle Plate No*
- over goods or services mentioned above except for those of invoice(s)No :*

....., ngày... tháng... năm...
....., date...month...year..

Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước
Director of Protocol Department

Ghi chú (Note):

(*) - Khai và gửi Cục Lễ tân Nhà nước Bộ ngoại giao 3 bản. (Please fill in triplicate and send them to the Protocol Department of MOFA)

- GTGT: giá trị gia tăng

(VAT: Value-added Tax)

BẢNG KÊ HỒ SƠ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
 (Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ... ngày ... tháng... năm...)
 [01] Kỳ phát sinh khoản đề nghị hoàn: từ....đến...

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế:.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hợp đồng nhập khẩu					Tờ khai hàng hóa nhập khẩu					Ghi chú
	Số	Ngày	Trị giá			Tờ khai số	Ngày đăng ký	Trị giá			
			Ngoại tệ	Đồng Việt Nam	(4)			Ngoại tệ	Đồng Việt Nam	(8)	(9)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)				(10)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số :

Ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột "Tờ khai số" ghi đầy đủ chữ số và ký hiệu của Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- Cột "Ngày đăng ký" ghi rõ ngày tháng năm đăng ký Tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Cột "Ngoại tệ" ghi rõ số tiền và đồng tiền thanh toán đối với ngoại tệ, cột "Đồng Việt Nam" ghi rõ số tiền thanh toán nếu đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam (trường hợp trên tài liệu có ghi cả hai đồng tiền thanh toán là ngoại tệ và Đồng Việt Nam thì phải ghi vào cả 2 cột này)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ THEO HIỆP ĐỊNH TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI
 LẦN GIỮA VIỆT NAM VÀ (tên nước, vùng, lãnh thổ ký kết)**

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của:
 Việt Nam Quốc ngoài

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

1. Người được hoàn thuế:

	A. Tổ chức: <input type="checkbox"/>	B. Cá nhân: <input type="checkbox"/>																	
1.1.	Tên đầy đủ:..... Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh <input type="checkbox"/> Số:	Hộ chiếu <input type="checkbox"/>	CMND <input type="checkbox"/>																
	Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....																		
1.2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....																		
1.3.	Tư cách pháp lý <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 2px;"><i>Pháp nhân</i></td> <td style="text-align: center; padding: 2px;"><input type="checkbox"/></td> <td style="padding: 2px;"><i>Cá nhân hành nghề độc lập</i></td> <td style="text-align: center; padding: 2px;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;"><i>Liên danh không tạo pháp nhân</i></td> <td style="text-align: center; padding: 2px;"><input type="checkbox"/></td> <td style="padding: 2px;"><i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i></td> <td style="text-align: center; padding: 2px;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;"><i>Khác</i></td> <td style="text-align: center; padding: 2px;"><input type="checkbox"/></td> <td colspan="2" style="padding: 2px;"></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;"><i>Nêu rõ:</i>.....</td> <td colspan="3" style="padding: 2px;"></td> </tr> </table>			<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề độc lập</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>			<i>Nêu rõ:</i>			
<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề độc lập</i>	<input type="checkbox"/>																
<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>																
<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>																		
<i>Nêu rõ:</i>																			
1.4. a.	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:	Địa chỉ trên là: <input type="checkbox"/> <i>Trụ sở chính</i> <input type="checkbox"/> <i>Nhà ở thường trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Khác</i> <input type="checkbox"/> <i>Nêu rõ:</i>																	
1.4. b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (<i>nếu khác với địa chỉ nêu trên</i>):..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:																		
1.5.	Quốc tịch: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 33%; padding: 2px;"><i>Việt Nam</i> <input type="checkbox"/></td> <td style="width: 33%; padding: 2px;"><i>Nước ký kết</i> <input type="checkbox"/></td> <td style="width: 33%; padding: 2px;"><i>Nước khác</i> <input type="checkbox"/></td> </tr> </table>			<i>Việt Nam</i> <input type="checkbox"/>	<i>Nước ký kết</i> <input type="checkbox"/>	<i>Nước khác</i> <input type="checkbox"/>													
<i>Việt Nam</i> <input type="checkbox"/>	<i>Nước ký kết</i> <input type="checkbox"/>	<i>Nước khác</i> <input type="checkbox"/>																	
1.6.	Mã số thuế tại Việt Nam (<i>nếu có</i>):.....																		
1.7. a	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:	Địa chỉ trên là: <input type="checkbox"/> <i>Văn phòng đại diện</i> <input type="checkbox"/> <i>Cơ sở thường trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Noi làm việc</i> <input type="checkbox"/> <i>Noi lưu trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Khác</i> <input type="checkbox"/> <i>Nêu rõ:</i>																	
1.7. b.	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết (<i>nếu khác với địa chỉ nêu trên</i>):..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:																		
1.8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (<i>nếu có</i>):.....																		
1.9.	<i>Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam (đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của nước ngoài):</i>																		

2. Đại diện được uỷ quyền¹:

2.1.	Tên đầy đủ:..... Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh <input type="checkbox"/> Hộ chiếu <input type="checkbox"/> CMND <input type="checkbox"/> Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....
2.2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
2.3	Mã số thuế (nếu có):.....
2.4.	Tư cách pháp lý <i>Pháp nhân</i> <input type="checkbox"/> <i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i> <input type="checkbox"/> <i>Liên danh không tạo pháp nhân</i> <input type="checkbox"/> <i>Khác</i> <i>Nêu rõ:</i> <input type="checkbox"/> <i>Đại lý thuế (nếu có)</i> <input type="checkbox"/>

3. Nội dung đề nghị hoàn thuế:

- 3.1. Năm đề nghị áp dụng Hiệp định:
3.2. Số thu nhập thuộc diện miễn, giảm theo Điều

STT (1)	Khoản thu đề nghị hoàn trả (loại thuế) (2)	Thời gian phát sinh khoản đề nghị hoàn (Kỳ tính thuế) (3)	Số đã nộp đề nghị hoàn (4)
Tổng cộng			

Số tiền đề nghị hoàn trả: Bằng số: Bằng chữ:.....

3.3 Hình thức đề nghị hoàn trả:

- 3.3.a Bù trừ cho khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước:

STT (1)	Khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (loại thuế) (2)	Cơ quan Thu		Thời gian phát sinh khoản phải nộp (Kỳ tính thuế) (5)	Quyết định thu/Tờ khai hải quan (6) Số (7) Ngày	Nộp vào tài khoản (8) Thu Ngân sách Nhà nước (9) Tạm thu	Số tiền (10)
		Cơ quan thuế (3)	Cơ quan Hải Quan (4)				
Cộng theo loại thuế, cơ quan thu, kỳ thuế							
TỔNG CỘNG							

¹ Trường hợp người nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định, bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền phải thực hiện các quy định về công chứng và chứng thực của pháp luật hiện hành, đồng thời bên được uỷ quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin tại phần 1 và 2 của Giấy đề nghị này.

Tổng số tiền nộp Ngân sách Nhà nước ghi bằng chữ:

3.3.b Hoàn trả trực tiếp:

Số tiền hoàn trả: Bằng số: Bằng chữ:

Hoàn trả bằng : Tiền mặt : Chuyển khoản :

Chuyển tiền vào tài khoản số : Tại Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước):.....

(hoặc) Người nhận tiền : Số CMND/Hộ chiếu :cấp ngày tại

**4. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến số thuế đề nghị áp dụng
Hiệp định:**

4.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

4.2. Giải trình khác:

4.3. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao):

1.

2.

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

...., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú:

- "Quyết định thu/Tờ khai hải quan": Ghi Quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền hoặc tờ khai hải quan còn nợ chưa nộp NSNN.

- "Nộp vào tài khoản": Đánh dấu "V" vào cột tài khoản có liên quan.

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau

Cơ quan Thuế nhận được Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ... ngày ...
tháng ... năm ... của ...(*Tên người nộp thuế, mã số thuế*)... và hồ sơ gửi kèm theo.

Ngày cơ quan Thuế nhận được hồ sơ hoàn thuế: .../.../....

Ngày cơ quan Thuế thông báo hồ sơ hoàn thuế chưa đầy đủ thủ tục: .../.../....

Ngày cơ quan Thuế nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế theo quy định: .../.../....

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, cơ quan Thuế thông báo hồ sơ đề nghị hoàn thuế của ...(*Tên người nộp thuế*)... thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau.

Lý do: ...(*nêu rõ trường hợp thuộc diện kiểm tra trước khi hoàn thuế và giải thích nếu có*)...

Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế là 40 ngày kể từ ngày cơ quan Thuế nhận được đủ hồ sơ theo quy định.

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với cơ quan Thuế để được giải đáp.

Số điện thoại:

Địa chỉ:/.....

Nơi nhận:

- ...(*Tên người nộp thuế*)...;
-;
- Lưu VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ

Số: .../TB-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc không được hoàn thuế

Cơ quan Thuế nhận được Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...(*Tên người nộp thuế, mã số thuế*)... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Cơ quan Thuế thông báo:

Hồ sơ hoàn thuế của ...(*Tên người nộp thuế, mã số thuế*)... không thuộc đối tượng, trường hợp được hoàn thuế hoặc có số tiền thuế không được hoàn là đồng.

Cụ thể các trường hợp không được hoàn thuế như sau:

STT	Khoản thu đề nghị hoàn trả (loại thuế)	Thời gian phát sinh khoản đề nghị hoàn (Kỳ tính thuế)	Lý do đề nghị hoàn trả	Số tiền NNT đề nghị hoàn	Số tiền không được hoàn	Lý do không được hoàn	Xử lý chuyển khẩu trừ tiếp	Số còn lại	Xử lý số còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)-(8)	(10)
Cộng theo loại thuế, kỳ tính thuế và lý do đề nghị hoàn									
TỔNG CỘNG									

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với cơ quan Thuế để được giải đáp.

Số điện thoại: ...

Địa chỉ:/.

Nơi nhận:

- ...(*Tên người nộp thuế*)...;
-;
- Lưu VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoàn thuế

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số ngày tháng.... năm.... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục Thuế/Chi cục Thuế;

Căn cứ vào Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước số ... ngày ... tháng... năm... kèm theo hồ sơ của:(Tên người nộp thuế, mã số thuế)...;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Hoàn trả cho (Ông/Bà/Tổ chức):.....

Mã số thuế:.....

Số CMND/Hộ chiếu..... ngày cấp:.... /.... /.... nơi cấp:....

Địa chỉ:.....

Tổng số tiền thuế là: đồng
(bằng chữ:).

Trong đó:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Số TT	Loại Thuế	Tiêu mục	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được hoàn	Lý do hoàn trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	...				
...	...				
Tổng cộng					

Hình thức hoàn trả:

Chuyển khoản

Số tài khoản..... Tại ngân hàng (Kho bạc Nhà nước).....

Tiền mặt

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc nhà nước.....

Điều 2: Trả tiền lãi cho thời gian ... (ghi rõ số ngày)... chậm giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế là đồng.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

....(Tên người nộp thuế)....,(Trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế)... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KK,
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng... năm... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục Thuế/Chi cục Thuế;

Căn cứ vào Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ... ngày ... tháng ... năm ... kèm theo hồ sơ của: ...(*Tên người nộp thuế, mã số thuế*)...;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Hoàn trả cho (*Ông/Bà/Tổ chức*):.....

Mã số thuế:.....

Số CMND/Hộ chiếu..... ngày cấp:.... /nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Tổng số tiền thuế là: đồng

(*bằng chữ*:).

Trong đó:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Tiêu Mục	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được hoàn	Lý do hoàn trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	...				
...	...				
Cộng					

Điều 2: Phần bù trừ với các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (NSNN)

ST T	Loại thuế/ Khoản phạt	Cơ quan thu			Kỳ tính thuế	Quyết định thu/ Tờ khai hải quan		Tài khoản bù trừ		Số tiền
		Cơ quan thuế	Cơ quan Hải quan	Cơ quan khác		Số	Ngày	NSNN	Tạm thu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
TỔNG CỘNG										

Điều 3: Phần còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước:.....đồng (*Bằng chữ:*.....)

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được hoàn	Lý do hoàn trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	...				
...	...				
Cộng					

Hình thức hoàn trả:

Chuyển khoản

Số tài khoản..... Tại ngân hàng (KBNN).....

Tiền mặt

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc nhà nước.....

Điều 4: Trả tiền lãi cho thời gian ...(*ghi rõ số ngày*)... chậm giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế là đồng.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

...(Tên người nộp thuế, mã số thuế)..., ...(*Trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế*)... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Nhu Điều 5;
- KK,
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- NSNN: Ngân sách Nhà nước

- KBNN: Kho bạc Nhà nước

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Kính gửi:....(tên người nộp thuế).....

Mã số thuế:

Địa chỉ nhận thông báo :.....

Căn cứ qui định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế;

Để làm rõ các nội dung:

1.....

2.....

trong hồ sơ:

(Tên cơ quan thuế ra thông báo) đề nghị(tên người nộp thuế)..... cử đại diện đến làm việc trực tiếp tại cơ quan thuế (hoặc có văn bản) để giải trình và bổ sung thông tin, tài liệu sau đây:

1.....

2.....

.....

Thời gian làm việc: giờ ngày tháng năm

Địa điểm làm việc

(Hoặc văn bản giải trình, thông tin, tài liệu bổ sung gửi về cơ quan thuế trước ngày..... tháng năm.....)

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại: địa chỉ:

(Tên cơ quan thuế ra thông báo) thông báo để (tên người nộp thuế).... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI NỘP THUẾ NHẬN THÔNG BÁO

Ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Ghi chú:

1. Phần các nội dung cần giải trình, bổ sung thông tin tài liệu cần ghi rõ thuộc hồ sơ thuế nào (khai thuế, miễn giảm, hay hoàn thuế...) và kỳ tính thuế.
2. Phần địa điểm làm việc cần ghi rõ tên phòng, bộ phận làm việc trực tiếp tại cơ quan thuế.
3. Trường hợp chuyển Thông báo trực tiếp đến người nộp thuế thì người nộp thuế ký xác nhận đã nhận Thông báo.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BIÊN BẢN LÀM VIỆC
Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Căn cứ Thông báo số..../TB-..... ngày tháng năm.....của
...(*tên cơ quan thuế*)... về việc đề nghị người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin,
tài liệu.

Hôm nay, hồi giờ.... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cơ quan thuế:

1. Ông/Bà: - Chức vụ:
2. Ông/Bà: - Chức vụ:

II. Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế):

Ông (bà):

CMND/hộ chiếu số:

Chức vụ: đại diện cho...(*tên người nộp thuế*)..., Mã số thuế:
.....

Địa chỉ:

III. Nội dung làm việc:

.....
.....
.....

IV. Các tài liệu người nộp thuế cung cấp bổ sung cho cơ quan thuế:

- 1.....
2.....
.....

V. Đề xuất và kiến nghị:

1. Các nội dung yêu cầu người nộp thuế thực hiện điều chỉnh theo qui định của
pháp luật thuế:

.....
.....
.....

2. Các nội dung chưa được làm rõ:

.....

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 bản được giao người nộp thuế.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):
.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trực tiếp của người nộp thuế phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế.
2. Đối với các tài liệu người nộp thuế cung cấp bổ sung cho cơ quan thuế, người lập biên bản phải ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao.
3. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào văn bản, nếu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại(tên người nộp thuế).....

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu là cuộc thanh tra);

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số ngày .../.../... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số ngày .../.../... của phê duyệt Kế hoạch; (nếu là cuộc kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch)

Hoặc:

Căn cứ chỉ đạo của ngày .../.../... về việc; (nếu là cuộc kiểm tra, thanh tra đột xuất)

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại(tên người nộp thuế)..., Mã số thuế: về các nội dung sau:

-
-

Thời kỳ kiểm tra (hoặc thanh tra):

Điều 2: Thành lập Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) để thực hiện nhiệm vụ ghi tại Điều 1 gồm có:

- | | | |
|-----------------|----------------|----------------|
| - Ông (bà)..... | - Chức vụ..... | - Trưởng đoàn; |
| - Ông (bà)..... | - Chức vụ..... | - Thành viên; |
| - Ông (bà)..... | - Chức vụ..... | - Thành viên; |
| - Ông (bà)..... | - Chức vụ..... | - |

Thời hạn kiểm tra (hoặc thanh tra) làngày làm việc, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra (hoặc thanh tra).

Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 80 (hoặc Điều 85) của Luật Quản lý thuế.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra (hoặc thanh tra) có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Noi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu: VT; Bộ phận kiểm tra (hoặc thanh tra).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KÝ QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH
KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)
**ĐOÀN KIỂM TRA (HOẶC THANH
TRA)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)

Tại:.....

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm của
về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) tại.....(tên người nộp thuế);

Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) đã tiến hành kiểm tra (hoặc thanh tra)
tại.....(tên người nộp thuế);

Thời kỳ kiểm tra (hoặc thanh tra):.....;

Hôm nay, ngày...../...../....., tại....., chúng tôi gồm:

1. Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra):

- Ông (bà).....
- Ông (bà).....
- Ông (bà).....
- Ông (bà).....

- Trưởng đoàn
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

2. Người nộp thuế:

- Ông (bà).....
- Ông (bà).....
- Ông (bà).....

- Giám đốc.
- Kế toán trưởng.

Lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra (hoặc thanh tra) như sau:

I/ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....
ngày...../...../..... do..... cấp.

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:.....
- Hình thức hạch toán kế toán:.....
- Niên độ kê toán:.....
- Đăng ký kê khai nộp thuế tại:
- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng:
- Mục lục Ngân sách: Cấp..... Chương..... Loại..... Khoản.....
- Tài khoản số:..... mở tại Ngân hàng (hoặc Tổ chức tín dụng)

- Các đơn vị thành viên (nếu có): Các xí nghiệp, chi nhánh, cửa hàng (*Ghi rõ nội
đ dung trụ sở; hình thức hạch toán; đến thời điểm kiểm tra (hoặc thanh tra) đã có xác
nhận doanh thu, chi phí, nghĩa vụ nộp Ngân sách của cơ quan thuế địa phương nơi đặt
trụ sở hay chưa.*)

II/ NỘI DUNG KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA) TẠI TRỤ SỞ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo của người nộp thuế	Số kiểm tra (hoặc thanh tra)	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(Ghi các nội dung đã thực hiện kiểm tra, thanh tra)			

Giải trình số liệu chênh lệch qua kiểm tra (hoặc thanh tra): Ghi rõ nguyên nhân điều chỉnh tăng giảm từng khoản mục đã kiểm tra (hoặc thanh tra) nêu trên hoặc giải thích lại cách tính toán xác định số liệu phải điều chỉnh có liên quan (nếu có)

III/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.
(Ghi các sắc thuế đã thực hiện kiểm tra, thanh tra)

STT	CHỈ TIÊU	Theo dõi tồn đọng năm trước				Theo dõi phát sinh				Tổng số còn phải nộp
		Kỳ trước chuyển sang	Số đã nộp cho tờon đọng	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã được hoàn hoặc miễn giảm trong kỳ	Số đã nộp cho phát sinh trong kỳ	Số còn phải nộp phát sinh trong kỳ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)-(7)-(8)	(10)=(5)+(9)	
1	Thuế GTGT									
2	Thuế TNDN									
3	Thuế VAT/NĐ									
4	Thuế TTDB									
5	Thuế Tài nguyên									
6	Thuế Môn bài									
7	Thuế Nhà thầu									
	<i>Trong đó: + Thuế GTGT</i>									
	<i>+ Thuế TNDN</i>									
8	Thuế khác (Nếu có).									

IV/ KIẾN NGHỊ VÀ YÊU CẦU:

1. Kiến nghị:

- Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ:

.....

- Về việc kê khai thuế, nộp thuế:

.....

Ghi chú: Nếu có sai phạm phát hiện qua việc kiểm tra (hoặc thanh tra) phải nêu cụ thể vi phạm tại các quy định nào của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế hiện hành. Xác định nguyên nhân vi phạm, tinh tiết tăng nồng, giám nhẹ (nếu phát hiện được).

2. Các yêu cầu:

- Nếu có số thuế phải truy thu thêm thì phải yêu cầu người nộp thuế nộp đầy đủ, kịp thời vào Tài khoản của cơ quan thuế khi có quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế.
- Nếu còn nợ đọng thuế phải yêu cầu người nộp thuế nộp ngay vào Ngân sách Nhà nước.
- Đối với các vi phạm về chế độ mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kê toán và hoá đơn chứng từ phải yêu cầu người nộp thuế chấn chỉnh kịp thời.
- Kiến nghị về mức xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đã được phát hiện qua kiểm tra (hoặc thanh tra) đối với cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của người nộp thuế.
- Kiến nghị với các cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) về các biện pháp, trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn đối với người nộp thuế.
- Các yêu cầu, kiến nghị hoặc ghi nhận khác (nếu có).

V/ Y KIẾN CỦA DOANH NGHIỆP (nếu có):.....

Biên bản được thông qua vào hồi giờ cùng ngày.

Biên bản gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau;

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(HOẶC THANH TRA)
TRƯỞNG ĐOÀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH KIỂM TRA (hoặc THANH
TRA)
**ĐOÀN KIỂM TRA(hoặc
THANH TRA)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)

Căn cứ Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu là cuộc thanh tra);

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày.....tháng.....năm của ..(tên cơ quan ra quyết định)... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra)tại.....(tên người nộp thuế)...;

Hôm nay, hồi giờ..... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế:

- | | | |
|-----------------|----------------|----------------|
| - Ông (bà)..... | - Chức vụ..... | - Trưởng đoàn; |
| - Ông (bà)..... | - Chức vụ..... | - Thành viên; |
| - Ông (bà)..... | - Chức vụ..... | - Thành viên; |

II. Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế):

Ông (bà):

CMND/hộ chiếu số:

Chức vụ: đại diện cho

Ông (bà):

CMND/hộ chiếu số:

Chức vụ:

Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp người nộp thuế) đã được nghe Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) công bố nội dung Quyết định sốngày.....tháng.....năm của ..(tên cơ quan ra quyết định).... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra)tại...(tên người nộp thuế).....

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao người nộp thuế.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(HOẶC THANH TRA)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nếu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN RA
QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA
(HOẶC THANH TRA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm

KẾT LUẬN KIỂM TRA THUẾ (THANH TRA THUẾ)
tại

Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra).....đã tiến hành kiểm tra (thanh tra) tại.....(tên người nộp thuế).....từ ngày.....đến ngày.....

Căn cứ biên bản kiểm tra (hoặc báo cáo kết quả thanh tra) ngàytháng....năm...của Trưởng đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) theo quyết định số...ngày...của...

.....kết luận như sau:

A. Đặc điểm, tình hình chung của người nộp thuế:

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày...../...../.....do.....cấp.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
- Hình thức hạch toán kế toán:
- Niên độ kế toán:
- Đăng ký kê khai nộp thuế tại:
- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng:
- Mục lục Ngân sách: Cấp.....Chương.....Loại.....Khoản.....
- Tài khoản số:.....mở tại Ngân hàng (hoặc Tổ chức tín dụng)
- Các đơn vị thành viên (nếu có); các xí nghiệp, chi nhánh, cửa hàng (*Ghi rõ nơi đóng trụ sở, hình thức hạch toán; đến thời điểm kiểm tra, thanh tra đã có xác nhận doanh thu, chi phí, nghĩa vụ nộp Ngân sách của cơ quan thuế địa phương nơi đặt trụ sở các đơn vị thành viên (nếu có); các xí nghiệp, chi nhánh, cửa hàng hay chưa.*)

B. Kết quả kiểm tra (hoặc thanh tra)

1. Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên hoá đơn chứng từ và sổ sách kế toán.

2. Về việc khai thuế, nộp thuế.

(*Cần đánh giá cụ thể về việc thực hiện pháp luật thuế của người nộp thuế được kiểm tra, thanh tra trong từng nội dung kiểm tra, thanh tra; xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ (nếu có) và*)

(ghi rõ cẩn thận vào quy định nào trong các văn bản quy phạm pháp luật về thuế hiện hành).

C. Các yêu cầu và kiến nghị

- Nếu có số thuế phải truy thu thêm thì phải yêu cầu người nộp thuế nộp đầy đủ, kịp thời vào Ngân sách Nhà nước của cơ quan thuế khi có quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế (đối với kết luận thanh tra).

- Nếu có điều chỉnh giảm khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, giảm lỗ, giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp thì phản ánh số liệu vào kết luận kiểm tra, kết luận thanh tra.

- Nếu còn nợ đọng thuế phải yêu cầu người nộp thuế nộp ngay vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với các vi phạm về chế độ mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ phải yêu cầu người nộp thuế chấn chỉnh kịp thời.

- Kiến nghị về mức xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đã được phát hiện qua kiểm tra (thanh tra) đối với cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của người nộp thuế (đối với kết luận kiểm tra, kết luận thanh tra).

- Doanh thu năm ... trên 20 tỷ thì chuyển sang khai thuế giá trị gia tăng theo tháng kể từ năm...

- Kiến nghị với các cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) về các biện pháp, trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn đối với người nộp thuế.

- Các yêu cầu, kiến nghị hoặc ghi nhận khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Người nộp thuế được kiểm tra (thanh tra);
- Trưởng đoàn kiểm tra (thanh tra);
-;
- Lưu: VT, Bộ phận kiểm tra (thanh tra).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác thanh tra thuế

Kính gửi:(tên tổ chức, cá nhân).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ :.....

Căn cứ qui định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế;

....(Tên cơ quan thuế)..... yêu cầu(tên tổ chức, cá nhân).....
cung cấp các thông tin, tài liệu (kèm theo bản giải trình) sau đây:

1.....

2.....

và gửi về(tên cơ quan thuế)..... địa chỉ:
trước ngày tháng năm

Nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ với ... (tên cơ quan thuế)...,
địa chỉ , số điện thoại

Trường hợp không thể cung cấp được,(tên tổ chức, cá nhân).....
phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và gửi về cơ quan thuế trong thời hạn nêu trên.

....(Tên cơ quan thuế)..... thông báo để... (tên tổ chức, cá nhân).....
được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; bộ phận thanh tra.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**NGƯỜI ĐƯỢC YÊU CẦU CUNG CẤP
NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Ghi chú: Trường hợp chuyển Thông báo trực tiếp đến người nộp thuế thì người nộp thuế ký xác nhận đã nhận Thông báo.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc cung cấp thông tin bằng trả lời trực tiếp
phục vụ công tác thanh tra thuế

Kính gửi: (*tên tổ chức, cá nhân*).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ qui định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế, yêu cầu ...(*tên tổ chức, cá nhân*)..... đến trụ sở... (*tên cơ quan thuế*)..... để cung cấp thông tin về.....

Thời gian: giờ..... ngày tháng năm

Địa điểm:

Tài liệu mang theo:

- 1.....
2.....
.....

Nếu có vướng mắc đề nghị ...(*tên tổ chức, cá nhân*)... liên hệ với ...(*tên cơ quan thuế*) ...theo địa chỉ, số điện thoại

Trường hợp không thể cung cấp được, ...(*tên tổ chức, cá nhân*)... phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và gửi về cơ quan thuế trước ngày ... tháng ... năm....

...(*Tên cơ quan thuế*)... thông báo để ...(*tên tổ chức, cá nhân*)... được biết và thực hiện./.

Noi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT; bộ phận thanh tra.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**NGƯỜI ĐƯỢC YÊU CẦU CUNG CẤP
NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Ghi chú: Trường hợp chuyển Thông báo trực tiếp đến người nộp thuế thì người nộp thuế ký xác nhận đã nhận Thông báo.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BIÊN BẢN LÀM VIỆC
Về việc cung cấp thông tin

Căn cứ Thông báo số...../TB-... ngày tháng năm... của ...(*tên cơ quan thuế*)về việc yêu cầu cung cấp thông tin bằng trả lời trực tiếp phục vụ công tác thanh tra thuế.

Hôm nay, hồi giờ.... ngày tháng năm

Tại:.....

I. Đại diện cơ quan thuế:

Ông/Bà: - Chức vụ:

Ông/Bà: - Chức vụ:

II. Người cung cấp thông tin:

Ông (bà):

CMND/hộ chiếu số:

Chức vụ: đại diện cho ..(*tên tổ chức/cá nhân*).....

- Mã số thuế:.....

Địa chỉ:

III. Nội dung làm việc:

.....

IV. Các tài liệu người cung cấp thông tin cung cấp cho cơ quan thuế:

1.....

2.....

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01(một) bản được giao cho người cung cấp thông tin.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:

NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG CHỨC THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Việc thu thập thông tin phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế.
2. Phần nội dung làm việc cần ghi đầy đủ các câu hỏi và các câu trả lời trong buổi làm việc.
3. Đối với các tài liệu người cung cấp thông tin cung cấp cho cơ quan thuế, người lập biên bản phải ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao.
4. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nếu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH
hoặc ĐOÀN THANH TRA...

Số:/QĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép
liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày của quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục
thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày.....tháng.....năm của
về việc thanh tra tại.....;

Xét đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian
lận thuế của:

Ông/bà/ tổ chức: – Mã số thuế:

Giấy CMND/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận đăng
ký hoạt động số: do cấp ngày

Địa chỉ:

Tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ bao gồm:

1.....

2.....

(hoặc Danh mục tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ được ban hành kèm theo
Quyết định này).

Thời hạn tạm giữ:

Hình thức tạm giữ:

Điều 2: Người thực hiện tạm giữ:

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1, Điều 2 và Đoàn thanh tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-;
- Lưu: VT; Bộ phận thanh tra.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Về hình thức tạm giữ ghi rõ niêm phong tại chỗ hay đưa đến nơi tạm giữ khác (ghi rõ nơi để tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ).

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN TẠM GIỮ TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP LIÊN QUAN ĐẾN
HÀNH VI TRÔN THUẾ, GIAN LẬN THUẾ**

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày....tháng....năm của
.....về việc thanh tra tại.....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-....ngày....tháng....năm của
.....về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn
thuế, gian lận thuế;

Hôm nay, hồi giờ.... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra:

1. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;
2. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

**B. Người có tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế,
gian lận thuế bị tạm giữ là:**

Ông (bà)/tổ chức:..... – Mã số thuế:.....;

Giấy CMND/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận đăng ký
hoạt động số: do cấp ngày.....

Địa chỉ:

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi
cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

2. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:; Ngày cấp:; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế gồm:

STT	Tên tiền, đồ vật, giấy phép	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tiền, đồ vật, giấy phép	Ghi chú
1	(chi tiết theo từng loại)			
2			
....			

Số tiền, đồ vật, giấy phép nêu trên được niêm phong tại....(ghi rõ nơi niêm phong)... (trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong).

Ngoài những tiền, đồ vật, giấy phép nêu trên, chúng tôi không tạm giữ (niêm phong) thêm thứ gì khác.

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/ tổ chức có tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:

NGƯỜI THỰC HIỆN TẠM GIỮ

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC) CÓ TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP BỊ TẠM GIỮ

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.
2. Trong Bảng kê tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ cần ghi chú rõ tiền, đồ vật, giấy phép có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người (hoặc đại diện tổ chức) có tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ, có sự chứng kiến của đại diện gia đình hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của ông (bà)...
3. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào văn bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH
hoặc ĐOÀN THANH TRA...

Số:/QĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-.... ngàythángnăm..... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày.....tháng.....năm củavề việc thanh tra.....
tại.....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-....ngày.....tháng.....năm củavề việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

Căn cứ Biên bản tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế lập ngày..... tháng năm.....;

Xét đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý các loại tiền, đồ vật, giấy phép tạm giữ liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế của ông/bà/tổ chức – Mã số thuế như sau:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1 và Đoàn thanh tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
-;
- Lưu VT, Bộ phận thanh tra.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tại Điều 1 cần ghi rõ từng loại tiền, đồ vật, giấy phép xử lý theo biện pháp nào (tổ chức bán, tịch thu hoặc trả lại).

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TRẢ LẠI TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP BỊ TẠM GIỮ

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày.....tháng.....năm của về việc thanh tra tại.....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-...ngày.....tháng.....năm của về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-...ngày.....tháng.....năm của về việc xử lý tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ;

Hôm nay, hồi giờ.... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra:

1. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

2. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

.....

B. Người có tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ được hoàn trả là:

Ông (bà)/tổ chức:..... – Mã số thuế:.....;

Giấy CMND/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận đăng ký hoạt động số: do cấp ngày.....

Địa chỉ:

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông/BàNghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

2. Ông /Bà Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Tiến hành lập biên bản hoàn trả tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ gồm:

STT	Tên tiền, đồ vật, giấy phép	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tiền, đồ vật, giấy phép	Ghi chú
	(chi tiết theo từng loại)			
			
			
...				

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/ tổ chức có tiền, đồ vật, giấy phép được trả lại.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

NGƯỜI THỰC HIỆN HOÀN TRẢ TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP (Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ
CHỨC) CÓ TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP
ĐƯỢC HOÀN TRẢ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỊA DIỆN CHÍNH QUYỀN
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ (nếu có)

Ghi chú:

- Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.
- Trong Bảng kê tiền, đồ vật, giấy phép trả lại cần ghi chú rõ tiền, đồ vật, giấy phép có được niêm phong không và tình trạng niêm phong.
- Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nếu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc niêm phong tài liệu
liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế
CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-.....ngàythángnăm..... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-.....ngày....tháng....năm..... của về việc thanh tra..... tại.....;

Xét đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế của:

Ông/bà/ tổ chức: – Mã số thuế:

Giấy CMND/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận đăng ký hoạt động số: do..... cấp ngày....tháng....năm.....

Địa chỉ:

Các tài liệu niêm phong bao gồm:

1.....

2.....

(hoặc Danh mục các tài liệu bị niêm phong được ban hành kèm theo Quyết định này).

Thời hạn tạm giữ:

Hình thức tạm giữ:

Điều 2: Người thực hiện tạm giữ:

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1, Điều 2 và Đoàn thanh tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

.....;

- Lưu: VT, Bộ phận thanh tra.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KÝ QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ghi rõ nơi để tài liệu bị niêm phong.

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NIÊM PHONG TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN
HÀNH VI TRỐN THUẾ, GIAN LẬN THUẾ**

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày.....tháng.....năm củavề việc thanh tra..... tại.....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-.....ngày.....tháng.....năm củavề việc niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

Hôm nay, hối giờ..... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra:

1. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;
2. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

**B. Người có tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế bị
niêm phong là:**

Ông (bà)/tổ chức:..... – Mã số
thuế:.....,

Giấy CMND/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận đăng
ký hoạt động số: do cấp
ngày.....

Địa chỉ:

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;
Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi
cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

2. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi
cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Tiến hành lập biên bản niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế,
gian lận thuế gồm:

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tài liệu	Ghi chú

Ngoài những tài liệu nêu trên, chúng tôi không niêm phong thêm thứ gì khác.

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/ tổ chức có tài liệu bị niêm phong.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:

NGƯỜI THỰC HIỆN NIÊM PHONG

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ
CHỨC) CÓ TÀI LIỆU BỊ NIÊM PHONG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần
được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật,
giấy phép vắng mặt)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép
cần được niêm phong nhưng người có
tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ (nếu có)

Ghi chú:

- Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.
- Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nếu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Số:/QĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiểm kê tài sản

liên quan đến hoạt động kiểm tra (hoặc thanh tra)

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu là cuộc thanh tra);

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngàythángnăm của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày.....tháng.....năm của về việc kiểm tra (hoặc thanh tra)..... tại.....;

Xét đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động kiểm tra (hoặc thanh tra) của:
Ông/bà/ tổ chức: – Mã số thuế:

Giấy CMND/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận đăng ký hoạt động số: do..... cấp ngày....tháng....năm.....

Địa chỉ:

Các tài sản kiểm kê bao gồm:

1.....

2

(hoặc Danh mục các tài sản bị kiểm kê được ban hành kèm theo Quyết định này).

Thời gian kiểm kê:

Hình thức kiểm kê:

Điều 2: Người thực hiện kiểm kê:

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1, Điều 2 và Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

.....;

- Lưu: VT; Bộ phận kiểm tra, thanh tra.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KÝ QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ghi rõ nơi để tài liệu bị kiểm kê

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH KIỂM TRA (THANH
TRA)
ĐOÀN KIỂM TRA (HOẶC
THANH TRA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN LIÊN QUAN ĐẾN
HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)**

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày.....tháng.....năm của
.....về việc kiểm tra (hoặc thanh tra).....
tại.....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-.....ngày.....tháng.....năm của
.....về việc kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động kiểm tra, thanh tra;

Hôm nay, hồi giờ.... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra (kiểm tra):

1. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;
2. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

**B. Người có tài sản liên quan đến hoạt động kiểm tra, thanh tra bị kiểm
kê là:**

Ông (bà)/tổ chức:..... Mã số thuế:.....;

Giấy CMND/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận đăng
ký hoạt động số: do cấp
ngày.....thángnăm.....

Địa chỉ:

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;
Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi
cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

2. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:; Ngày cấp:; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Tiến hành lập biên bản kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động kiểm tra (hoặc thanh tra) gồm:

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng loại)	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tài sản	Ghi chú

Ngoài những tài sản nêu trên, chúng tôi không niêm phong thêm thứ gì khác.

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/ tổ chức có tài sản bị niêm phong.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:

NGƯỜI THỰC HIỆN KIỂM KÊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC)
CÓ TÀI SẢN BỊ KIỂM KÊ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ (nếu có)

Ghi chú:

- Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.
- Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nếu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn thời hạn kiểm tra (hoặc thanh tra) tại

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng..... năm.... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng..... năm.... của về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại(tên người nộp thuế)...;
- Xét đề nghị của Trưởng đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Gia hạn thời hạn kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế của Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) theo Quyết định số/QĐ-..... ngày... tháng... năm.... của..... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại(tên người nộp thuế)....., mã số thuế.....

Thời gian gia hạn là ngày kể từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra (thanh tra) có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
-;
- Lưu: VT, Bộ phận kiểm tra (thanh tra).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

Số:/QĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ quyết định kiểm tra (hoặc thanh tra) tại(tên người nộp thuế)

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số ngày tháng năm của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) tại(tên người nộp thuế)..., mã số thuế.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra (hoặc thanh tra) có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) theo Quyết định số/QĐ-.....ngày... tháng ... năm.... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
-(tên CQ chủ quản cấp trên của người nộp thuế được kiểm tra, thanh tra)...;
-
- Lưu: VT, ; Bộ phận kiểm tra (hoặc thanh tra).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xử lý vi phạm về thuế
qua kiểm tra (hoặc thanh tra) việc chấp hành pháp luật thuế

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật
Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu là cuộc
thanh tra);

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn
bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-.... ngày ... tháng.... năm..... của
..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ kiến nghị tại Biên bản kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế ký
ngày tháng năm tại của Đoàn kiểm tra
(hoặc thanh tra) của theo Quyết định số/QĐ-.... ngày ... tháng.... năm.....
của về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại ... (tên người nộp
thuế).....;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý vi phạm về thuế theo kết quả kiểm tra (hoặc thanh tra) đối
với ... (Tên người nộp thuế) .., mã số thuế....., thời kỳ kiểm tra (thanh tra) từ
... đến ...;

1. Truy thu thuế là: đồng (*bằng chữ:.....*) (trong đó: chi tiết theo
từng loại thuế và số tiền thuế)

{Trường hợp có điều chỉnh giảm khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào,
giảm lỗ, giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp qua kiểm tra (hoặc thanh
tra) thì phản ánh số liệu vào Quyết định này}

2. Phạt (nếu có, chi tiết theo hành vi và số tiền phạt):

3. Doanh thu năm là: trên 20 tỷ đồng đơn vị chuyển sang khai thuế GTGT theo tháng kể từ năm.....

Điều 2. ...(*Tên người nộp thuế*)... có trách nhiệm nộp số tiền thuế truy thu và tiền phạt theo quy định tại Điều 1 vào tài khoản:

1. Đối với số tiền thuế truy thu: nộp vào tài khoản của mở tại Kho bạc Nhà nước

2. Đối với số tiền phạt: nộp vào tài khoản của mở tại Kho bạc Nhà nước

3. Thời hạn nộp: Trong 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu nộp chậm sẽ phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra (thanh tra) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đơn vị có liên quan (KK, PC, ...);
- Lưu: VT, Bộ phận kiểm tra (hoặc thanh tra).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số tiền thuế truy thu và tiền phạt được nộp vào tài khoản riêng của từng cơ quan thuế mở tại kho bạc nhà nước

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đoàn thanh tra theo Quyết định số:/QĐ-..... ngày .../..../.... của.....
Ngày công bố Quyết định thanh tra:/..../....

BÁO CÁO TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN THANH TRA
Lần:....

(Từ ngày .../ tháng/ năm.... đến ngày..../ tháng/ năm....)

Tại:(Tên người nộp thuế).....

Mã số thuế:.....

STT	Nội dung
I	Các công việc đã triển khai:
II	Các công việc đã hoàn thành:
III	Các công việc đang tiến hành:
IV	Các công việc thực hiện trong thời gian tới:
III	Vướng mắc; Kiến nghị, đề xuất:

....., ngày tháng năm....
TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA
(Ký và ghi rõ họ tên)